

VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC  
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI  
TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính  
Mã số:60.38.01.02**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
TS. NGUYỄN VĂN THUẬN**

**HÀ NỘI, năm 2016**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn thạc sĩ Luật học “Quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Nguyễn Văn Thuận.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

Tác giả luận văn

**Nguyễn Thị Ánh Tuyết**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI</b> .....	6
1.1. Khái quát về đối ngoại, quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại .....	6
1.2. Chủ thể, nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại .....	9
1.3. Nguyên tắc trong quản lý nhà nước về các hoạt động đối ngoại .....	17
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH</b> .....	19
2.1. Các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình .....	19
2.2. Thực tiễn quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình .	22
2.3. Những hạn chế và nguyên nhân trong quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình.....	45
<b>CHƯƠNG 3. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH</b> .....	58
3.1. Yêu cầu để tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình .....	58
3.2. Phương hướng tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình .....	62
3.3. Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình.....	65
<b>KẾT LUẬN</b> .....	73
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANCT-TTATXH	: An ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội
BĐBP	: Bộ đội Biên phòng
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
QLNN	: Quản lý nhà nước
TS	: Tiến sĩ
UBND	: Ủy ban nhân dân

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Công cuộc đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, lãnh đạo trong những năm qua đã đạt những thành tựu hết sức to lớn, đưa Việt Nam từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị cô lập với thế giới trở thành một nước đang trên đà phát triển về mọi mặt, có uy tín trên trường quốc tế. Trong đó, phải kể đến sự đóng góp quan trọng của công tác đối ngoại đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 185 nước (tính đến tháng 8/2015), là thành viên của 63 tổ chức quốc tế và có quan hệ với hơn 650 tổ chức phi chính phủ trên thế giới, thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với 224 thị trường tại tất cả châu lục; thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với nhiều quốc gia chủ chốt trên thế giới. Đồng thời, vai trò của Việt Nam ngày càng tăng tại Liên hiệp quốc, Cộng đồng các nước ASEAN, các tổ chức như WTO, TTP... Những kết quả đạt được đã củng cố và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước, tạo ra thế chủ động trong quan hệ quốc tế, có lợi cho việc bảo vệ độc lập tự chủ và an ninh cũng như công cuộc xây dựng đất nước. Để đạt được những thành công đó, Đảng và Nhà nước đã cùng với các bộ, ngành, địa phương trên cả nước không ngừng đẩy mạnh hoạt động quản lý nhà nước trên lĩnh vực đối ngoại.

Cũng như các địa phương khác trong cả nước, những năm qua, tỉnh Quảng Bình đã phát huy nội lực, vận dụng các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, chủ động triển khai nhiều hoạt động đối ngoại góp phần khẳng định được hình ảnh và vị thế của mình trong mắt bạn bè quốc tế, gây dựng niềm tin cho đối tác và trở thành một điểm đến hấp dẫn đối với du khách, một địa chỉ tin cậy cho các nhà đầu tư. Số lượng địa phương nước ngoài mà tỉnh có quan hệ hợp tác ngày càng tăng.

Bên cạnh những thành công, công tác đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình vẫn còn nhiều bất cập xuất phát từ cơ chế chính sách chung. Một số tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền chưa thực sự nhận thức đúng tầm quan trọng của công tác Quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại; cơ chế, chính sách về quản

lý còn thiếu đồng bộ, việc triển khai thực hiện còn lúng túng, bị động; hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để lãnh đạo, chỉ đạo riêng cho công tác Quản lý nhà nước với hoạt động đối ngoại chưa được quan tâm thực hiện; công tác phối kết hợp giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc đối với hoạt động đối ngoại còn chưa chặt chẽ, thống nhất... làm ảnh hưởng một phần đến chất lượng, hiệu quả của công tác đối ngoại địa phương nói riêng, đối ngoại của Nhà nước nói chung trong giai đoạn vừa qua.

Như vậy, việc đánh giá đúng thực trạng công tác Quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình là yếu tố cơ bản, quan trọng, từ đó đưa ra giải pháp hữu hiệu nhất, nhằm tăng cường Quản lý Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình nói riêng, đối ngoại của Nhà nước nói chung trong thời gian tới, nhất là trong bối cảnh thực hiện chủ trương “Bảo vệ vững chắc tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

Xuất phát từ nhận thức trên cùng với quá trình học tập, nghiên cứu tại Học Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tôi chọn đề tài “Quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình” để viết luận văn thạc sĩ, chuyên ngành Luật hành chính.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trong thực tế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, ngành, luận văn Tiến sĩ, Thạc sĩ liên quan đến nội dung QLNN đối với hoạt động đối ngoại dưới nhiều góc độ khác nhau đã được công bố như: Luận văn thạc sĩ “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về lợi ích dân tộc trong quá trình hội nhập quốc tế*” của tác giả Trương Cộng Hòa, bảo vệ tại Học viện hành chính quốc gia, năm 2012; Luận văn thạc sĩ “*Ngoại giao nhân dân Việt Nam thực trạng và các vấn đề đặt ra*” của tác giả Đào Ngọc Ninh, bảo vệ tại Học viện hành chính quốc gia, năm 2012; Luận văn thạc sĩ “*Quản lý nhà nước về đối ngoại của UBND cấp tỉnh từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*” của tác giả Huỳnh Thị Phương Anh bảo vệ tại Học Viện

Khoa học xã hội, năm 2013; Luận văn Tiến sĩ “*Quản lý của chính quyền tỉnh đối với hoạt động đối ngoại qua thực tiễn tỉnh Quảng Ninh*” của tác giả Đặng Thúy Doan bảo vệ tại Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2011... Bên cạnh đó, vấn đề đối ngoại cũng được các học giả, nhà nghiên cứu quan tâm trong các bài báo, cuộc hội thảo, tạp chí nghiên cứu của Bộ Ngoại giao, Học Viện Ngoại giao và Viện nghiên cứu chính sách đối ngoại của Bộ Ngoại giao như: Tiến sĩ Vũ Dương Huân (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Ngoại giao*, NXB Thanh Niên, Hà Nội; Vũ Dương Ninh (8/2005), *Quan hệ đối ngoại Việt Nam trên chặng đường 60 năm (1945-2005)*; Học viện Quan hệ Quốc tế (2001), *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945 -1975)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Học viện Ngoại giao (2010), *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2020*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội; Phạm Bình Minh (2015)... Ngoài ra, luận văn còn nghiên cứu hệ thống văn bản pháp luật đối với công tác đối ngoại hiện hành.

Các công trình nghiên cứu, tài liệu nói trên chỉ mới dừng lại ở góc độ lý luận chung về tình hình thế giới và Việt Nam, các chủ trương đường lối đối ngoại của Việt Nam trong các giai đoạn khác nhau, tác động tích cực của các hoạt động đối ngoại đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Quốc gia nói chung, của từng địa phương nói riêng chứ chưa đi sâu vào nghiên cứu, phân tích được thực trạng thực hiện các nội dung trên từng hoạt động đối ngoại cụ thể.

Mặt khác, đến thời điểm hiện nay chưa có đề tài nào nghiên cứu về công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình. Do vậy, trên cơ sở kế thừa và phát huy, tổng hợp các nghiên cứu trước đó, với đề tài này tôi sẽ đi sâu nghiên cứu một cách toàn diện về góc độ công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại của cơ quan QLNN về đối ngoại thông qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Bình, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình nói riêng, của Nhà nước nói chung, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay một cách cao nhất.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *3.1. Mục đích nghiên cứu*

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận về QLNN đối với hoạt động đối ngoại và thực trạng QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình, từ đó đưa ra những phương hướng và các giải pháp nhằm tăng cường pháp luật QLNN về đối ngoại của Trung ương và Địa phương, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy làm công tác QLNN về đối ngoại của tỉnh Quảng Bình.

### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Nghiên cứu và hệ thống hóa các cơ sở lý luận về công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại;

Đánh giá thực trạng của công tác QLNN về đối ngoại của tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua;

Đề ra những phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường chất lượng QLNN đối với đối ngoại. Trên cơ sở đó, đề xuất, kiến nghị các giải pháp tăng cường công tác QLNN về đối ngoại của Trung ương và Địa phương, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy làm công tác QLNN của tỉnh Quảng Bình.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Luận văn nghiên cứu lý luận và thực tiễn về QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Phạm vi không gian: Luận văn nghiên cứu hệ thống văn bản quy định của trung ương, UBND tỉnh về công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại; nghiên cứu thực trạng tổ chức, QLNN đối với hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, do UBND tỉnh Quảng Bình là chủ thể tiến hành quản lý.

Về mặt thời gian, luận văn tập trung nghiên cứu công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại từ năm 2011 đến nay.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### *5.1. Phương pháp luận*

Luận văn nghiên cứu đề tài trên cơ sở quan điểm, thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đối ngoại



của Đảng, Nhà nước đối với QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Luận văn sử dụng một cách hợp lý các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, đối chiếu.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### *6.1. Ý nghĩa lý luận*

Luận văn góp phần vào việc cung cấp các căn cứ khoa học - pháp lý để làm sáng tỏ các vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại của Nhà nước nói chung của tỉnh Quảng Bình nói riêng.

### *6.2. Ý nghĩa thực tiễn*

Các kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn QLNN đối với hoạt động đối ngoại cũng như hoàn thiện pháp luật về quản lý lĩnh vực này. Bên cạnh đó, đề tài còn góp phần nâng cao kiến thức QLNN về đối ngoại cho những người làm công tác đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

## **7. Cơ cấu của luận văn**

Luận văn, ngoài phần mở đầu, kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, được chia 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận và pháp lý về QLNN đối với hoạt động đối ngoại

Chương 2: Thực trạng QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại thực tiễn tỉnh Quảng Bình

Chương 3: Phương hướng, giải pháp tăng cường QLNN đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình.

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

### 1.1. Khái quát về đối ngoại, quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại

#### 1.1.1. *Khái quát về đối ngoại, hoạt động đối ngoại*

Trong tiếng anh, thuật ngữ “foreign” được hiểu là công việc đối với nước ngoài, bên ngoài, nói về đường lối, chính sách, sự giao thiệp của nhà nước, của một tổ chức; để phân biệt với đối nội.

Trong tiếng việt, các thuật ngữ “đối ngoại” và “ngoại giao” thường được xem là có chung nội hàm và được sử dụng thay thế lẫn nhau. Tuy vậy, các thuật ngữ này có những điểm khác. Ngoại giao là một nghệ thuật tiến hành trong việc đàm phán, thương lượng giữa những người đại diện cho một nhóm hay một quốc gia. Thuật ngữ này thông thường đề cập đến ngoại giao quốc tế, việc chỉ đạo, thực hiện các mối quan hệ quốc tế thông qua sự can thiệp hay hoà giải của các nhà ngoại giao liên quan đến các vấn đề như kinh tế, thương mại, văn hoá, du lịch, chiến tranh và tạo nền hòa bình... Các hiệp ước quốc tế thường được đàm phán bởi các nhà ngoại giao trước tiên để đi đến việc xác nhận chính thức bởi các chính trị gia của các nước. Về mặt xã hội, ngoại giao là việc sử dụng các tài xử trí, ứng biến để giành được sự thuận lợi, nó là một công cụ tạo ra cách diễn đạt các tuyên bố một cách không đối đầu, hay là một cách xử lý lịch thiệp. *Đối ngoại là khái niệm bao hàm cả khái niệm ngoại giao, đối ngoại thường được hiểu là những công việc, các quan hệ, những hoạt động thực hiện của một nước đối với một hoặc một số nước khác, các tổ chức quốc tế và khu vực; của các cơ quan, tổ chức của nước này với các nước hoặc với các cơ quan, tổ chức của nước khác, các tổ chức quốc tế và khu vực.*

Đối ngoại được biết đến là một trong hai chức năng cơ bản của Nhà nước. Chức năng đối ngoại thể hiện những mặt hoạt động của nhà nước trong quan hệ với các nhà nước và các dân tộc khác, bao gồm: “*đoàn ra, đoàn vào; nhận, tặng các hình thức khen thưởng có yếu tố nước ngoài; đăng cai, tổ chức hội nghị, hội thảo*

*quốc tế; gia nhập, rút khỏi các tổ chức quốc tế; ký kết, gia nhập, thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế; tiếp khách quốc tế; trả lời phỏng vấn của phóng viên nước ngoài; đưa tin đối với hoạt động đối ngoại” [33, tr.2], nhằm bảo vệ biên giới, lãnh thổ quốc gia và thực hiện các mối quan hệ về kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ với các nước và tổ chức quốc tế trong cuộc đấu tranh vì một trật tự thế giới mới trên cơ sở hợp tác, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.*

Chức năng đối ngoại của Nhà nước được thực hiện thông qua bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương và cơ sở.

Chức năng đối ngoại của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện hiện nay bao gồm:

- Bảo vệ vững chắc tổ quốc XHCN, ngăn ngừa mọi nguy cơ xâm lăng từ các quốc gia bên ngoài.

- Thiết lập, củng cố và phát triển các mối quan hệ và sự hợp tác với tất cả các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

- Thiết lập và tăng cường các nỗ lực chung trong cuộc đấu tranh vì một trật tự thế giới mới, vì sự hợp tác bình đẳng và dân chủ, vì hoà bình và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

Đối với Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại là một hệ thống quan điểm về các vấn đề quốc tế, về chiến lược, sách lược cách mạng Việt Nam trong quan hệ với thế giới. Thực tế cách mạng nước ta chứng tỏ rằng, trên lĩnh vực đối ngoại, tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng cho nhận thức và hành động của chúng ta, từ việc đánh giá cục diện thế giới, quan hệ với các nước lớn, đến lợi ích dân tộc, tập hợp lực lượng quốc tế, dự báo thời cơ và nắm đúng thời cơ, phương châm, phương pháp đối ngoại... Những tư tưởng của Hồ Chí Minh là vũ khí sắc bén trong cuộc đấu tranh chống lại khuynh hướng phiến diện, duy ý chí đi đến nôn nóng hành động hoặc chờ thời, ỷ lại vào ngoại viện. Giá trị của các quan điểm có tính phương pháp luận đó góp phần hình thành và phát triển tư duy quan hệ quốc tế của Việt Nam trong thời đại mới.

### ***1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Để nghiên cứu khái niệm QLNN đối với hoạt động đối ngoại, trước hết cần làm rõ khái niệm “quản lý” và “QLNN”. Thuật ngữ “quản lý” thường được hiểu theo những cách khác nhau tùy theo góc độ khoa học khác nhau cũng như cách tiếp cận của người nghiên cứu. Quản lý là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Mỗi lĩnh vực khoa học có định nghĩa về quản lý dưới góc độ riêng của mình và nó phát triển ngày càng sâu rộng trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

Theo quan niệm của các nhà khoa học nghiên cứu về quản lý hiện nay: Quản lý là sự tác động chỉ huy, điều khiển các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để chúng phát triển phù hợp với quy luật, đạt tới mục đích đã đề ra và đúng với ý trí của người quản lý. Theo cách hiểu này thì quản lý là việc tổ chức, chỉ đạo các hoạt động của xã hội nhằm đạt được một mục đích của người quản lý. Theo cách tiếp cận này, quản lý đã nói rõ lên cách thức quản lý và mục đích quản lý. Như vậy, theo cách hiểu chung nhất thì quản lý là sự tác động của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý. Việc tác động theo cách nào còn tùy thuộc vào các góc độ khoa học khác nhau, các lĩnh vực khác nhau cũng như cách tiếp cận của người nghiên cứu.

Theo định nghĩa của một số giáo trình luật hành chính thì: QLNN là hoạt động mang tính chất quyền lực nhà nước, được sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội. QLNN được xem là một hoạt động chức năng của nhà nước trong quản lý xã hội và có thể xem là hoạt động chức năng đặc biệt. QLNN, hiểu theo nghĩa rộng, được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước. Theo nghĩa hẹp, QLNN là hoạt động chấp hành và điều hành được đặc trưng bởi các yếu tố có tính tổ chức; được thực hiện trên cơ sở và để thi hành pháp luật; được bảo đảm thực hiện chủ yếu bởi hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước (hoặc một số tổ chức xã hội trong trường hợp được giao nhiệm vụ QLNN). QLNN cũng là sản phẩm của việc phân công lao động nhằm liên kết và phối hợp các đối tượng bị quản lý.

QLNN được đề cập trong đề tài này là khái niệm QLNN theo nghĩa rộng;

QLNN bao gồm toàn bộ các hoạt động từ ban hành các văn bản luật, các văn bản mang tính luật đến việc chỉ đạo trực tiếp hoạt động của đối tượng bị quản lý và vấn đề tư pháp đối với đối tượng quản lý cần thiết của Nhà nước. Hoạt động QLNN chủ yếu và trước hết được thực hiện bởi tất cả các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

Với nhận thức nêu trên, có thể khái niệm QLNN đối với hoạt động đối ngoại như sau:

*QLNN đối với hoạt động đối ngoại là hoạt động quản lý do các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước tiến hành trên các lĩnh vực ngoại giao, kinh tế đối ngoại và các hoạt động đối ngoại khác tức là quản lý tất cả hoạt động và quan hệ do các cơ quan, tổ chức của Việt Nam thực hiện với các nước, các tổ chức nước ngoài như các tổ chức quốc tế và khu vực.*

## **1.2. Chủ thể, nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại**

### **1.2.1. Chủ thể quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại**

Hoạt động đối ngoại được tiến hành bởi nhiều chủ thể được nhà nước trao quyền. Theo đó, hệ thống tổ chức bộ máy QLNN ta được thiết kế và tổ chức theo nguyên tắc kết hợp giữa quản lý ngành, lĩnh vực và quản lý theo địa bàn lãnh thổ. Bộ máy QLNN liên quan đến hoạt động đối ngoại là các cơ quan quản lý các hoạt động đối ngoại tại trung ương và địa phương. Do đặc điểm thiết kế bộ máy QLNN đó, đồng thời tính chất đặc thù của việc quản lý các hoạt động đối ngoại, thì Chính phủ, các cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương là chủ thể chủ yếu có chức năng, nhiệm vụ QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

Theo quy định của pháp luật hiện hành: Khoản 3, Điều 96 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ban hành năm 2013 quy định Chính phủ: "Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại,..." [22, tr.10]

Khoản 5, Điều 96 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ban hành năm 2013 quy định Chính phủ: "Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia...; lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,

UBND các cấp;..” [22, tr.10]

Điều 22, Luật Tổ chức Chính phủ ban hành năm 2015, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ trong đối ngoại và hội nhập quốc tế: “1.Thống nhất QLNN về đối ngoại và hội nhập quốc tế; xây dựng và trình Quốc hội về chính sách đối ngoại...” [25, tr.5]

Nghị định số 58/2013/NĐ-CP ngày 11/6/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao, theo đó: “Bộ Ngoại giao là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng QLNN về đối ngoại, gồm: Công tác ngoại giao, biên giới, lãnh thổ quốc gia, ...” [31, tr.4]. Như vậy, cơ quan chuyên môn của Chính phủ thực hiện QLNN đối với hoạt động đối ngoại là Bộ Ngoại giao.

Nhiệm vụ đối ngoại của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND cấp tỉnh) không được quy định cụ thể tại Luật Chính quyền địa phương. Tuy nhiên, UBND cấp tỉnh với tư cách là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp, hoạt động của UBND theo hai chiều trực thuộc: Trực thuộc ngang và chiều trực thuộc dọc (Điều 8-Luật chính quyền địa phương) có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ hành chính theo sự phân cấp và chịu sự lãnh đạo thống nhất của Chính phủ. Do vậy, việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của UBND cấp tỉnh trên cơ sở các hoạt động đối ngoại được Chính phủ phân cấp và quy định thực hiện. Việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của UBND cấp tỉnh đã được Chính phủ chỉ đạo thực hiện từ năm 2005 theo Quyết định số 28/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đến năm 2011 Chính phủ tiếp tục nghiên cứu và ban hành Quyết định số 67/2011/ QĐ- TTg ngày 12/12/2011 về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại địa phương thay thế Quyết định số 28/2005/QĐ-TTg nhằm tiếp tục tăng cường và nâng cao vai trò quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại. Nội dung các hoạt động đối ngoại của UBND được quy định tại Nghị định này, bao gồm: “1.Các hoạt động hợp tác, giao lưu với nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. 2.Tổ chức và quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các

đoàn nước ngoài vào Việt Nam (đoàn vào). 3. Tiếp nhận các hình thức khen thưởng của nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài tặng. 4. Kiến nghị tặng, xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh cho những tập thể, cá nhân người nước ngoài đã và đang làm việc tại địa phương có thành tích xuất sắc được địa phương công nhận. 5. Tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế. 6. Ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế. 7. Hoạt động đối ngoại liên quan đến công tác quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia. 8. Quản lý hoạt động của các tổ chức, cá nhân nước ngoài ở địa phương. 9. Công tác ngoại giao kinh tế; công tác quản lý, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài. 10. Công tác văn hóa đối ngoại. 11. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. 12. Thông tin tuyên truyền đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài tại địa phương. 13. Theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình quốc tế và khu vực có tác động đến địa phương.” [33, tr. 3-4]

Thông tư Liên tịch số 02/2015/TTLT BNG-BNV ngày 28/6/2015 của Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Sở Ngoại vụ thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, quy định Sở Ngoại vụ “là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân cấp tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh QLNN về công tác ngoại vụ và công tác biên giới lãnh thổ quốc gia của địa phương”.

Như vậy, Chính phủ thống nhất QLNN đối với hoạt động đối ngoại; các bộ, ngành, địa phương tiến hành quản lý theo quy định của Chính phủ.

### ***1.2.2. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

***1.2.2.1. Xây dựng chính sách, pháp luật quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Nhà nước sử dụng pháp luật như là phương tiện để thực hiện sự quản lý đối với xã hội, Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ” [22, tr.2]. Điều đó được thể hiện trong thực tiễn QLNN về các hoạt động khác nói chung, hoạt động đối ngoại nói riêng. Theo đó, để

hiện thực hóa những chủ trương, đường lối của Đảng, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quản lý. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết QLNN đối với hoạt động đối ngoại và tự mình ban hành nghị quyết, nghị định, chiến lược, chương trình quốc gia, đề án, dự án, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm, dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, dự thảo báo cáo Quốc Hội, báo cáo Chính phủ. Chính quyền địa phương thực hiện ban hành quyết định, chỉ thị để QLNN đối với hoạt động đối ngoại trên địa bàn.

Cơ quan QLNN theo ngành được nhà nước phân cấp thẩm quyền đối với hoạt động đối ngoại là Bộ Ngoại giao, tiến hành xây dựng chính sách, văn bản pháp luật để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp, hướng dẫn các Bộ, ngành trên phạm vi, chức năng nhiệm vụ của mình giao xây dựng, ban hành các chính sách, quy định liên quan đến QLNN đối với hoạt động đối ngoại thuộc ngành mình. Chính quyền các địa phương thực hiện ban hành quyết định, chỉ thị và các văn bản khác để QLNN đối với hoạt động đối ngoại trên địa bàn theo phân cấp thẩm quyền;

Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn các địa phương, có chức năng tham mưu chính quyền địa phương ban hành chỉ thị, quyết định... để QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại địa phương; ban hành các văn bản điều hành hoạt động QLNN đối với hoạt động đối ngoại thuộc thẩm quyền đơn vị; góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

Ngoài ra, các cơ quan nhà nước ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm cụ thể hóa, triển khai thực hiện việc quản lý hoạt động đối ngoại.

#### *1.2.2.2. Tổ chức thực hiện pháp luật trong quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại*

QLNN đối với hoạt động đối ngoại thực chất là một trong những nội dung bản của QLNN bằng pháp luật và đồng thời cũng là khâu khó khăn nhất. Quá trình này được các cơ quan nhà nước tiến hành bằng những hoạt động trên thực tế, nhằm



đưa các quy định của pháp luật vào đời sống xã hội.

QLNN đối với các hoạt động đối ngoại được triển khai thực hiện trên cơ sở pháp luật. Theo đó, các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện QLNN trên các phương diện cơ bản sau:

*Thứ nhất*, tổ chức bộ máy, nhân lực làm nhiệm vụ QLNN đối với hoạt động đối ngoại

Trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động QLNN, công tác tổ chức bộ máy nhân sự đóng vai trò rất quan trọng, tác động trực tiếp đến hiệu quả của hoạt động quản lý. Để thực hiện công tác này, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các văn bản pháp luật, quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan nhà nước đối với những lĩnh vực cụ thể, để tiến hành thực hiện công tác cho phù hợp và đúng với quy định của pháp luật. Có thể thấy rằng, công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại là lĩnh vực có nhiều yếu tố phức tạp và mới mẻ, chính vì vậy mà quá trình tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực theo quy định, phù hợp với thực tế là cả một quá trình từng bước tiếp cận và không ngừng, đổi mới hoàn thiện. Nhìn chung, tổ chức bộ máy QLNN đối với hoạt động đối ngoại hiện nay được quy định và thực hiện trên cơ sở pháp luật gồm: Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015; Nghị định số 58/2013/NĐ-CP ngày 11/6/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao, Thông tư liên tịch 02/2015/TTLT-BNG-BNV ngày 28/06/2015 của Bộ Nội Vụ - Bộ Ngoại giao hướng dẫn chức năng nhiệm vụ cơ cấu tổ chức Sở Ngoại vụ thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...

Trên cơ sở quy định của pháp luật, Bộ Ngoại giao, các bộ ngành khác có liên quan khác và Chính quyền địa phương 64 tỉnh, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được nhà nước giao QLNN đối với hoạt động đối ngoại, tổ chức bộ máy, xây dựng cơ chế, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đối ngoại ở trong và ngoài nước; xây dựng, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực hoạt động đối ngoại để triển khai các nội dung liên quan đến QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

*Thứ hai*, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại

Hoạt động QLNN có thực hiện được tốt hay không, phụ thuộc vào nhiều yếu tố, song con người vẫn là yếu tố quan trọng hàng đầu. Để xây dựng đội ngũ nhân lực quản lý có trình độ, có năng lực chuyên môn cao, kỹ năng nghiệp vụ tốt thì cần phải đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn thường xuyên. Xuất phát từ yêu cầu, đặc điểm trong QLNN đối với hoạt động đối ngoại, công tác đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ là một trong những nội dung cực kỳ quan trọng.

Các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền QLNN đối với hoạt động đối ngoại, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm tổ chức, biên chế lực lượng, xây dựng kế hoạch đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật.

*Thứ ba*, Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với hoạt động đối ngoại

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có ý nghĩa, vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật QLNN đối với hoạt động đối ngoại là nghĩa vụ của nhà nước và cũng là quyền được thông tin của người dân trong và ngoài nước. Sở dĩ, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với hoạt động đối ngoại là một bộ phận quan trọng của công tác đối ngoại và công tác tư tưởng của Đảng và Nhà nước, bởi vì nó có nhiệm vụ quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, lịch sử, con người Việt Nam; thông tin về tình hình trong nước, về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quan điểm, lập trường của Việt Nam về các vấn đề quốc tế và khu vực; thông tin về tình hình thế giới cho nhân dân trong nước; đấu tranh phản bác những thông tin sai sự thật, luận điệu sai trái của các thế lực cơ hội, thù địch với Việt Nam.

Nội dung tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật đối với hoạt động đối ngoại phải đúng các quy định của pháp luật, phù hợp với nội dung các văn bản có

liên quan đến đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế.

### *1.2.2.3. Bảo vệ pháp luật trong quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại*

Bảo vệ pháp luật trong QLNN đối với hoạt động đối ngoại là hoạt động nhằm bảo đảm cho pháp luật được tôn trọng và thực hiện nghiêm túc trên thực tế. Thực hiện tốt hoạt động bảo vệ pháp luật trong quá trình quản lý tức đã góp phần vào việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đối với công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại, hoạt động bảo vệ pháp luật được thực hiện thông qua các hoạt động sau:

*Thứ nhất*, thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra

Công tác thanh tra, kiểm tra luôn gắn liền với hoạt động quản lý, đây là một nội dung quan trọng của hoạt động QLNN nhằm kiểm tra lại việc thực hiện, chấp hành những quy định pháp luật; đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ chấp hành của đối tượng thực hiện, qua đó, kịp thời phát hiện, xử lý, chấn chỉnh các hành vi vi phạm pháp luật trong QLNN đối với hoạt động đối ngoại. Qua thanh tra, kiểm tra để phát hiện những bất cập còn tồn tại để từ đó kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hơn hoạt động quản lý. Do tầm quan trọng và tính phức tạp của nội dung quản lý, đối tượng và chủ thể quản lý của hoạt động đối ngoại, nên nguy cơ vi phạm là rất cao, tính chất, hình thức vi phạm cũng ở nhiều mức độ rất phong phú đa dạng. Để nâng cao vai trò của Nhà nước trong QLNN đối với hoạt động đối ngoại và bảo vệ vững chắc chủ quyền, ngoài công tác xây dựng, củng cố, mở rộng đối ngoại, Nhà nước cần phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động diễn ra trong lĩnh vực đối ngoại; xây dựng cơ chế hoạt động quản lý của các lực lượng bảo đảm sự nhạy bén, linh hoạt và kịp thời, phát hiện sai phạm ngay từ đầu và kịp thời xử lý nghiêm các sai phạm, đồng thời vận dụng linh hoạt pháp luật của Việt Nam và pháp luật, điều ước quốc tế, nhằm xử lý thích hợp, kiên quyết các vi phạm pháp luật có yếu tố nước ngoài.

*Thứ hai*, hoạt động xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Song hành cùng với việc thanh tra, kiểm tra, giám sát, việc xử lý vi phạm là một nội dung công tác QLNN rất quan trọng trong QLNN đối với hoạt động đối ngoại. Xử lý vi phạm pháp luật, chủ yếu là xử lý các vi phạm hành chính, nhằm đảm bảo tính hiệu lực của hoạt động QLNN, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo các quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, của công dân không bị xâm hại.

Xử lý vi phạm pháp luật trong QLNN đối với hoạt động đối ngoại liên quan mật thiết với quốc gia, quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đối ngoại, ảnh hưởng rất lớn đến an ninh trật tự và sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Do vậy, việc xử lý vi phạm phải triệt để, các nguyên tắc mọi hành vi vi phạm phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật; việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Khi xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng. Bên cạnh đó, cũng cần phải xem xét đến các yếu tố về giáo dục, hướng dẫn và ngăn chặn đối với các vi phạm lần đầu, chưa gây hậu quả, sử dụng các hình thức xử lý thích hợp đối với các vi phạm có yếu tố nước ngoài, nhằm bảo đảm môi trường hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa các nước.

Ngoài ra, đi liền với xử lý vi phạm thì việc tôn vinh, khen thưởng là một phần trong QLNN nói chung, QLNN đối với hoạt động đối ngoại nói riêng.

Cũng như các lĩnh vực QLNN khác, QLNN đối với hoạt động đối ngoại phải đảm bảo quyền khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức. Theo đó, các cá nhân, tổ chức bị xử lý vi phạm hành chính có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; cá nhân có quyền tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện trong hoạt

động đối ngoại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính bị khiếu nại, khởi kiện sẽ gây hậu quả khó khắc phục, tạo tiền lệ xấu cho lợi ích quốc gia, thì người giải quyết khiếu nại, khởi kiện phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó theo quy định của pháp luật.

Đây chính là những cơ sở pháp lý cần thiết để công dân thực hiện tốt quyền làm chủ và giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, góp phần làm trong sạch bộ máy nhà nước đồng thời cũng qua đó phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, thể hiện đúng bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Như vậy, QLNN đối với hoạt động đối ngoại được thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để thực hiện các nhiệm vụ chính trị về đối ngoại, bảo vệ quốc phòng, an ninh quốc gia, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Do đó, QLNN đối với hoạt động đối ngoại là hoạt động của một hệ thống các cơ quan chức năng của nhà nước, bảo đảm thực thi quyền lực nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật quy định cho các ngành, lĩnh vực chuyên môn khác nhau và cần đến sự phối hợp liên ngành.

### **1.3. Nguyên tắc trong quản lý nhà nước về các hoạt động đối ngoại**

Tại Điều 3, Chương 1 Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, quy định nguyên tắc trong QLNN về các hoạt động đối ngoại như sau:

“1. Bảo đảm tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng giữa Trung ương và địa phương.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại, văn hóa đối ngoại và công tác người Việt Nam ở nước ngoài; giữa hoạt động đối ngoại và

hoạt động quốc phòng, an ninh; giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

4. Hoạt động đối ngoại được thực hiện theo chương trình hàng năm đã được duyệt; bảo đảm nghiêm túc chế độ báo cáo, xin ý kiến theo quy định hiện hành.

5. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của cơ quan các cấp ở địa phương trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đối ngoại theo quy định; bảo đảm sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động đối ngoại.” [33, tr. 2]

### **Kết luận Chương 1**

Tại chương này, luận văn đã tập trung phân tích một số vấn đề lý luận chung về QLNN đối với hoạt động đối ngoại như: Khái niệm đối ngoại, khái niệm QLNN đối với hoạt động đối ngoại, nội dung hoạt động đối ngoại, QLNN đối với hoạt động đối ngoại, chủ thể QLNN đối với hoạt động đối ngoại, nguyên tắc QLNN đối với hoạt động đối ngoại, là cơ sở pháp lý để tiến hành QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

Bằng các phương pháp mô tả, phân tích, luận chứng, Chương 1 của luận văn cho thấy QLNN đối với hoạt động đối ngoại là hoạt động quan trọng trong QLNN nói chung, liên quan đến việc đảm bảo chủ quyền quốc gia, an ninh - quốc phòng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ công cuộc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước.

Những vấn đề lý luận cơ bản này là cơ sở nhận thức chủ yếu để luận văn triển khai các nghiên cứu tại Chương 2.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

#### **VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

#### **2.1. Các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình**

##### **2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội**

Nằm ở vào trung độ của đất nước, trên trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt và đường biển, đường hàng không. Quảng Bình được thiên nhiên ưu đãi khi có sông, có biển, có núi. Quảng Bình có tiềm năng rất lớn về du lịch, là một trong những địa phương giàu tài nguyên về du lịch hàng đầu của Việt Nam: bờ biển dài 116,04 km có nhiều bãi tắm đẹp và điểm nghỉ ngơi nổi tiếng; đặc biệt, có Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng được UNESCO 2 lần công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới, được mệnh danh là Vương quốc Hang Động, với những hang động đẹp nổi tiếng, đặc biệt là Sơn Đoòng - hang động lớn nhất thế giới. Ngoài ra, Quảng Bình còn có suối nước khoáng Bang có nhiệt độ sôi tự nhiên lên đến 105<sup>0</sup>C, chất lượng khoáng tốt, có thể sản xuất nước giải khát cao cấp và chữa bệnh. Quảng Bình có chung biên giới với Lào 201,87 km ở phía Tây dọc theo quốc lộ 12A và tỉnh lộ 20, 16, 9B chạy từ Đông sang Tây qua cửa khẩu Quốc tế Cha Lo, cửa khẩu phục Cà Roòng, cửa khẩu phụ Chút Mút. Trong phạm vi khu vực và thế giới Quảng Bình là cửa ngõ phía Đông của vùng Trung Lào, Đông Bắc Thái Lan và Myanmar đến các nước vùng Đông Bắc Á thông qua hành lang kinh tế Đông - Tây. Mặt khác, Tỉnh Quảng Bình có tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 70%, là một trong những tỉnh còn có trữ lượng rừng lớn nhất Việt Nam, có lợi thế về trồng rừng sản xuất và chế biến gỗ. Quảng Bình cũng có nhiều loại tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn, đủ điều kiện để phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng với quy mô lớn như đá vôi, cao lanh, cát thạch anh. Ngoài ra, Quảng Bình còn có tiềm năng phát triển về năng lượng điện bao gồm nhiệt điện và phong điện: ngoài mạng lưới điện quốc gia, hiện nay, Quảng Bình đã được Chính phủ đưa vào quy hoạch để đầu tư xây dựng các nhà

máy nhiệt điện công suất 2.400 - 3.000 MW tại Khu kinh tế Hòn La. Vì vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2011-2015 đạt 6,5%. GDP bình quân đầu người đạt 28 triệu đồng/năm. Năm 2015, cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch tích cực theo hướng dịch, công nghiệp, nông nghiệp, trong đó: nông, lâm, ngư nghiệp: 24,6%; công nghiệp và xây dựng: 24,9%; dịch vụ: 50,5%.

Với diện tích tự nhiên là 8.065 km<sup>2</sup>, có 08 huyện, thị xã, thành phố, trong đó có 1 thành phố, 1 thị xã và 6 huyện; Dân số năm 2014 có 868.174 người, phần lớn cư dân địa phương là người Kinh. Dân tộc ít người thuộc hai nhóm chính là Chứt và Bru-Vân Kiều gồm những tộc người chính là: Khùa, Mã Liềng, Rục, Sách, Vân Kiều, Mày, Arem, v.v... sống tập trung ở hai huyện miền núi Tuyên Hoá và Minh Hoá và một số xã miền Tây Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy. Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 2 tôn giáo được nhà nước cho phép hoạt động, đó là Công giáo và Phật giáo, chiếm 12% dân số của tỉnh. Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Bình cuối năm 2015, Công giáo có 102.000 người, Phật giáo có 2.100 người.

Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Bình có nguồn lao động dồi dào, dân số trong độ tuổi lao động của tỉnh là 500.000 người (chiếm 64,5% tổng dân số); cơ sở hạ tầng được quy hoạch đồng bộ; thủ tục hành chính đơn giản, theo cơ chế một cửa liên thông, cộng với những chính sách ưu đãi thu hút đầu tư trong và ngoài nước, Quảng Bình trong những năm qua đã và đang trên đà phát triển.

Với những tiềm năng và lợi thế nêu trên, những năm qua chính quyền tỉnh Quảng Bình đã có sự khai thác hợp lý những tiềm năng thế mạnh, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của mình để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh một cách toàn diện, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công tác đối ngoại của tỉnh Quảng Bình nói riêng, cả nước nói chung.

### ***2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Theo Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thì UBND tỉnh Quảng Bình là cơ quan thống nhất QLNN cao nhất đối với hoạt động đối ngoại tại địa phương. Bộ máy



giúp việc cho UBND tỉnh Quảng Bình gồm hơn 20 sở, ban, ngành...Cơ quan trực tiếp tham mưu cho UBND tỉnh QLNN về công tác đối ngoại là Sở Ngoại vụ. Sở Ngoại vụ giúp UBND tỉnh tỉnh thực hiện chức năng QLNN đối với hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao. Theo đó, Sở Ngoại vụ có những chức năng nhiệm vụ sau:

- Tham mưu về công tác hợp tác, hội nhập quốc tế ở địa phương; xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch hợp tác quốc tế của địa phương;

- Hướng dẫn hoạt động đối ngoại cho các sở, ban, ngành, các tổ chức kinh tế - xã hội, đoàn thể và các cấp chính quyền của tỉnh. Đôn đốc kiểm tra thực hiện các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện QLNN đối với các đoàn đi công tác nước ngoài của lãnh đạo tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương (đoàn ra) và các đoàn quốc tế đến thăm làm việc tại địa phương;

- Thực hiện tổ chức và quản lý các hội nghị, hội thảo quốc tế; ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế tại địa phương thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Giúp UBND tỉnh trong công tác ngoại giao kinh tế, xây dựng và triển khai các chương trình hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Giúp UBND tỉnh trong công tác ngoại giao văn hóa, xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược ngoại giao văn hóa trong từng thời kỳ;

- Thực hiện đối tác với người Việt Nam ở nước ngoài tại địa phương;

- Quản lý hoạt động xuất nhập cảnh của cán bộ, công chức;

- Xử lý các vấn đề phát sinh trong công tác bảo hộ công dân đối với người Việt Nam ở nước ngoài có liên quan đến địa phương, bảo vệ lợi ích của ngư dân địa phương có liên quan đến yếu tố nước ngoài và trong công tác lãnh sự đối với người nước ngoài tại địa phương;

- Thực hiện chức năng QLNN về công tác biên giới, lãnh thổ tại địa phương theo quy định của pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Ngoại giao và Bộ, ngành liên quan;

- Thực hiện QLNN về lễ tân đối ngoại tại địa phương;

- Thực hiện QLNN đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại địa phương;

- Thực hiện công tác thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành tại địa phương theo quy định;

- Phối hợp tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại và nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ đối ngoại của thành phố.

Bên cạnh đó UBND tỉnh cũng giao trách nhiệm cho các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn trong phạm vi, nhiệm vụ của mình tham gia vào công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

## **2.2. Thực tiễn quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình**

### ***2.2.1. Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật là một hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, là hình thức pháp lý quan trọng trong hoạt động của chính quyền địa phương nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Trong thời gian qua, chính quyền tỉnh Quảng Bình đã làm tốt công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Tỉnh ủy, UBND đã ban hành một số lượng lớn văn bản quy phạm pháp luật trên nhiều lĩnh vực để thực hiện chức năng QLNN tại địa phương.

Tuy nhiên, công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật về công tác đối ngoại của tỉnh ít hơn so với các lĩnh vực khác mặc dù trên thực tế các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực đối ngoại trên địa bàn tỉnh là không nhỏ. Hệ thống các quy định chưa thực sự bắt kịp với sự thay đổi của thực tế, công tác ban hành văn bản lạc hậu

so với nhu cầu đặt ra của thực tiễn đối ngoại địa phương. Điều đó cũng thể hiện sự quan tâm chưa đầy đủ và đúng mức với công tác quản lý đối ngoại của địa phương của chính quyền tỉnh. Hiện nay, văn bản quy định đường lối của cơ quan Đảng, văn bản quy phạm pháp luật để triển khai yêu cầu, nhiệm vụ đối với hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh mang tính bao quát nhất có thể nói đến là:

- Quyết định số 85-QĐ/TU ngày 13/01/2016 của Tỉnh ủy Quảng Bình về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình. (Trước đây, quy định về công tác quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được thực hiện theo Quyết định số 27-QĐ/TU ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh.);

- Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào tỉnh Quảng Bình. Quyết định 24/2012/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND tỉnh được ban hành trên cơ sở Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã ban hành một số quyết định, kế hoạch và một số văn bản khác để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của địa phương như: Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 của UBND tỉnh về việc phối hợp quản lý phóng viên nước ngoài hoạt động thông tin, báo chí trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 về Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2014-2018; Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 quy định xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC...

Hằng năm, Sở Ngoại vụ với chức năng là cơ quan tham mưu về đối ngoại của UBND tỉnh luôn chủ động triển khai rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành, các thay đổi, quy định mới của Bộ Ngoại giao và các cơ quan trung ương, kịp thời tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế nhiều quy định

để triển khai hiệu quả hơn nữa công tác đối ngoại tại địa phương. Bình quân hàng năm Sở Ngoại vụ đều tham mưu UBND tỉnh ban hành một đến hai văn bản quy phạm pháp luật mới, kịp thời điều chỉnh các hành vi đối ngoại để quản lý chặt chẽ và khoa học hơn. Thực hiện đăng ký và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực đối ngoại hàng năm với UBND tỉnh. Công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về đối ngoại được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục.

Bên cạnh đó, sau 5 năm triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015. Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh và yêu cầu của Tổ công tác thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính tỉnh Quảng Bình, Sở Ngoại vụ Quảng Bình đã tiến hành thống kê, rà soát, đơn giản hóa mẫu đơn, tờ khai hành chính (06 bộ thủ tục hành chính và 6 mẫu tờ khai liên quan). Kiến nghị bổ sung 01 thủ tục hành chính, 01 mẫu đơn, mẫu tờ khai và kiến nghị hủy bỏ 01 thủ tục hành chính)

Nhìn chung, công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực đối ngoại của UBND tỉnh Quảng Bình đảm bảo thực hiện theo tinh thần của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật về đối ngoại của UBND tỉnh ban hành đã bước đầu điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

### ***2.2.2. Tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Ngay từ những năm đầu của công cuộc xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Bình, sứ mệnh tham mưu phát triển đối ngoại được giao cho Phòng Đối ngoại thuộc Văn phòng UBND tỉnh và Ban Biên giới thuộc UBND tỉnh và đến nay là Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Bình (3/2004).

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ trước đây được quy định tại Thông tư Liên tịch số 02/2009/TTLT-BNG-BNV ngày 27/5/2009 của Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ và hiện nay thực hiện theo Thông tư Liên tịch số 02/2015/TTLT BNG-BNV ngày 28/6/2015 của Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ. Ban đầu cơ cấu tổ chức gồm 02 Phòng chuyên môn là Phòng Hợp tác quốc

tế và Biên giới và Phòng Hành chính - Tổng hợp và Lãnh sự, với 10 biên chế QLNN và 02 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000, đến nay qua quá trình củng cố và phát triển Sở Ngoại vụ đã có 03 phòng chuyên môn, 01 Văn phòng và 01 bộ phận, bao gồm Văn phòng Sở, phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài, Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Biên giới và bộ phận thanh tra - pháp chế.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ đối ngoại thuộc Sở Ngoại vụ Quảng Bình có 26 người, chủ yếu là các cán bộ trẻ, năng động, nhiệt tình, trong đó 99% có trình độ đại học và trên đại học. Hằng năm, lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo sở đã cử hàng chục lượt cán bộ đi đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm trong nước và ngoài nước; phối hợp với các cơ quan trung ương tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, chuyển giao công nghệ, tập huấn kiến thức pháp luật về công tác đối ngoại cho cán bộ sở, ngành, các huyện, thành phố nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công tác đối ngoại. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ đối ngoại của Quảng Bình trong những năm gần đây đã có sự phát triển rõ rệt về cả số lượng và chất lượng, là lực lượng có đầy đủ tri thức, trình độ, ngoại ngữ và bản lĩnh để phục vụ cho quá trình hội nhập quốc tế của tỉnh trong giai đoạn hiện nay

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống cơ quan chuyên môn làm công tác đối ngoại không được tổ chức tại cấp huyện của tỉnh, nhiệm vụ đối ngoại được giao cho Văn phòng UBND cấp huyện kiêm nhiệm. Do vậy, chính quyền cấp huyện trên địa bàn tỉnh cũng gặp không ít khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của địa phương.

### ***2.2.3. Thực hiện quản lý các hoạt động đối ngoại***

*2.2.3.1. Tổ chức và quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào tỉnh (đoàn vào).*

Trong thời gian, từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2016, Tỉnh Quảng Bình có 509 đoàn ra với 3.008 lượt người, 724 đoàn vào với 4.509 lượt người.

**BẢNG THỐNG KẾ ĐOÀN RA, ĐOÀN VÀO 2011 - 30/6/2016**

NĂM	ĐOÀN RA		ĐOÀN VÀO	
	SỐ ĐOÀN	LƯỢT NGƯỜI	SỐ ĐOÀN	LƯỢT NGƯỜI
2011	109	669	134	737
2012	98	782	112	1163
2013	73	544	164	817
2014	76	329	109	451
2015	113	543	127	827
30/6/2015	40	141	77	514
<b>Cộng</b>	<b>509</b>	<b>3008</b>	<b>724</b>	<b>4509</b>

*(Nguồn cung cấp từ báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại hàng năm của UBND tỉnh Quảng Bình)*

Trên cơ sở Quyết định số 27-QĐ/TU ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 về việc ban hành quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào tỉnh Quảng Bình. Quy chế, là cơ sở pháp lý quan trọng để cơ quan tham mưu và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện hoạt động đối ngoại của mình, Vì vậy:

Đối với công tác quản lý đoàn ra: trình tự, thủ tục các đoàn ra được thực hiện đúng các quy định Trung ương, của Tỉnh; thực hiện tốt công tác quản lý đối với cán bộ, đảng viên đi nước ngoài, quy định sau khi kết thúc chuyên công tác phải báo cáo kết quả; hạn chế các đoàn ra phát sinh ngoài Chương trình hoạt động đối ngoại của tỉnh, không tổ chức đoàn đi tham quan nước ngoài sử dụng ngân sách nhà nước, các đoàn đi nước ngoài tiết kiệm, có hiệu quả. Đồng thời, UBND tỉnh cũng đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt việc quản lý và sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định của Bộ Ngoại giao.

Đối với công tác quản lý đoàn vào: Tổ chức tiếp và làm việc với các đoàn vào chu đáo cả về mặt lễ tân ngoại giao lẫn nội dung, từ đó góp phần củng cố và thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa tỉnh Quảng Bình với các tổ chức quốc tế, các địa phương nước ngoài trên nhiều lĩnh vực như: chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục,

du lịch v.v..

Nhờ có sự phân công, phân cấp cụ thể trong việc quản lý đoàn ra, đoàn vào nên trách nhiệm của các cấp, các ngành đã được nâng lên; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức đoàn ra và đón đoàn vào ngày một tốt hơn, đảm bảo thực hiện tốt chương trình hoạt động của các đoàn của tỉnh ra nước ngoài và đoàn khách nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh.

Tuy nhiên, công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào trong thời gian vừa qua vẫn còn gặp một số khó khăn, vẫn còn một số trường hợp các cơ quan, đơn vị không thực hiện việc đầy đủ các quy định về quản lý đoàn ra, đoàn vào của UBND tỉnh như: Trong những năm qua, đã phát hiện vẫn còn nhiều trường hợp chưa chấp hành đúng các quy định liên quan như tự ý đi nước ngoài khi chưa được phép của các cơ quan có thẩm quyền, không báo cáo kết quả sau khi đi công tác nước ngoài, khi tiếp đón, làm việc với đoàn nước ngoài không thông báo đầy đủ các nội dung cho các cơ quan liên quan, gây khó khăn cho việc quản lý.

#### *2.2.3.2. Hợp tác với các nước*

Tăng cường và mở rộng hợp tác với các địa phương nước ngoài là một hoạt động quan trọng, thông qua các hoạt động này tỉnh đã thực hiện hội nhập quốc tế một cách độc lập và nhanh chóng. Với tinh thần hội nhập và phát triển trên cơ sở các chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tỉnh Quảng Bình đã chủ động, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và đạt được những thành tựu khả quan trên nhiều lĩnh vực như chính trị, đầu tư, thương mại, du lịch....

Hiện nay, tỉnh có quan hệ hợp tác song phương với các địa phương khác của Lào, Thái Lan, Hàn Quốc, Cộng Hòa Séc, Úc. Quan hệ hợp tác giữa tỉnh với các địa phương trên thế giới thể hiện trên nhiều lĩnh vực như: hỗ trợ các địa phương của tỉnh phát triển kinh tế xã hội, giao lưu nhân dân, xúc tiến đầu tư. Một số quan hệ hợp tác đã mang lại những thành công nhất định như: Lực lượng Không quân Thái Bình Dương Hoa Kỳ thực hiện chương trình hỗ trợ nhân đạo Thiên thần Thái Bình Dương xây trạm xá, trường học cho huyện Quảng Ninh; bang Tây Ô-xtrây-li-a ký hỗ trợ Ban Quản lý Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng ký kết thỏa thuận “Hang

động kết nghĩa” với Hiệp hội Du lịch thành phố Augusta Marganet River, Úc nhằm giúp đỡ, hỗ trợ công tác phát triển và bảo tồn quần thể hang động tại tỉnh; quận Buk-gu, thành phố Gwangju, Hàn Quốc hỗ trợ Thị xã Ba Đồn phát triển nguồn năng lượng điện mặt trời....

Bên cạnh đó tỉnh cũng tích cực gia nhập mạng lưới, diễn đàn quy mô khu vực như là thành viên của Hiệp hội 9 tỉnh 3 nước Việt Nam, Lào, Thái Lan có sử dụng đường 8 và đường 12. Từ khi cầu Hữu nghị Lào - Thái Lan số 3 hoàn thành, lượng hàng hóa, người và phương tiện qua cửa khẩu quốc tế Cha Lo của Quảng Bình tăng rất nhanh, có năm kim ngạch xuất nhập khẩu đạt gần 1,5 tỉ USD; hoạt động du lịch có bước phát triển mạnh, năm sau cao hơn năm trước. Nhiều doanh nghiệp của tỉnh tham gia các hội chợ thương mại, lễ hội, hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao,... do các tỉnh của Lào, Thái Lan tổ chức.

Tỉnh cũng thường xuyên tăng cường mối quan hệ hợp tác với Đại sứ quán các nước tại Việt Nam, tổ chức tiếp và làm việc với các đại sứ, như: Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc, Cu Ba, Anh, Ấn Độ. Đặc biệt, đầu tháng 6/2016, UBND tỉnh đã mời và tổ chức cho các đại sứ quán các nước tại Việt tham gia thám hiểm hang Sơn Đoòng (được đánh giá lớn nhất thế giới); qua đó, thu hút các đối tác đầu tư vào Quảng Bình.

#### *2.2.3.3. Tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế*

Công tác tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế được UBND tỉnh quản lý chặt chẽ, đúng quy định về thủ tục và cách thức thực hiện. Trung bình hàng năm, UBND tỉnh cho phép tổ chức 10 đến 15 hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn. Các biên bản, thỏa thuận với các cơ quan, tổ chức quốc tế về việc thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh được ký dựa trên sự tự nguyện của các bên, các nội dung ký kết đều được mỗi bên quan tâm thực hiện, mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần củng cố, mở rộng mối quan hệ hợp tác hữu nghị của tỉnh Quảng Bình với các nước cũng như tranh thủ nguồn vốn, nguồn viện trợ của các cơ quan, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.



Tuy nhiên, công tác tổ chức, quản lý hội nghị hội thảo quốc tế, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế còn gặp phải một số khó khăn như: Nhiều cơ quan, đơn vị còn thụ động, chưa nắm được cơ quan đầu mối, nộp hồ sơ xin tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế chậm trễ, không thực hiện theo quy định đã hướng dẫn, không báo cáo kết quả tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế đúng thời gian qui định, gây ra khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc tham mưu, cho phép và quản lý việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.

#### *2.2.3.4. Ngoại giao kinh tế; vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài*

Ngoại giao kinh tế đã được Đảng và Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động đối ngoại của đất nước, bên cạnh hai nhiệm vụ ngoại giao chính trị và ngoại giao văn hoá. Điều này đã được thể chế hoá bằng Pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị định của Chính phủ.

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, năm cuối cùng thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015; Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 15/4/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, tỉnh Quảng Bình đã triển khai có hiệu quả các hoạt động đối ngoại của tỉnh. Với mục tiêu củng cố, phát triển các mối quan hệ sẵn có, mở rộng hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường công tác vận động viện trợ, mở rộng giao lưu hợp tác về thương mại, du lịch và văn hoá, hoạt động đối ngoại giai đoạn 2011-2015 và 3 tháng đầu năm 2016 của tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Xác định ngoại giao kinh tế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của công tác đối ngoại, trong những năm qua, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các giải pháp tăng cường quan hệ với các cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức tài chính quốc tế và các tổ chức phi chính

phủ nước ngoài; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch với các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân và đối tác trong và ngoài nước...

Tỉnh đã ban hành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó tập trung đẩy mạnh việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, xây dựng chiến lược và định hướng phát triển địa phương phù hợp với xu hướng vận động và diễn biến địa - chính trị, ngoại giao, kinh tế trong khu vực, các lộ trình và cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam. Vấn đề thu hút đầu tư, kêu gọi các nguồn vốn viện trợ phi chính phủ, hỗ trợ phát triển chính thức, xúc tiến thiết lập các mối quan hệ hợp tác hữu nghị, đối tác thương mại, quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh được tăng cường, ngày càng trở thành nội dung trọng tâm trong các cuộc tiếp xúc giữa lãnh đạo tỉnh với các đối tác nước ngoài.

Bằng nhiều hoạt động ngoại giao kinh tế thiết thực, hiệu quả, trong những năm qua, công tác ngoại giao kinh tế đã đạt được một số kết quả nhất định, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung toàn tỉnh, với một số điểm nổi bật như sau:

- Xúc tiến đầu tư nước ngoài

Tỉnh Quảng Bình đã tham dự và tổ chức nhiều Hội thảo xúc tiến đầu tư do Cục Đầu tư nước ngoài, Trung tâm xúc tiến đầu tư khu vực Miền Bắc, Trung tâm xúc tiến đầu tư Miền trung (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tổ chức trong và ngoài nước, qua đây đã quảng bá tiềm năng, cơ hội của tỉnh; học tập, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực xúc tiến đầu tư. Thông qua các chương trình nói trên, tỉnh ta đã ký kết nhiều biên bản ghi nhớ, hợp tác đầu tư với các tổ chức, nhà đầu tư của nhiều nước. Đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong tỉnh tìm hiểu, ký kết, hợp tác với các doanh nghiệp các nước bạn trên nhiều lĩnh vực.

Cụ thể, trong giai đoạn 2010-2015 và 3 tháng đầu năm 2016, tỉnh đã chủ động phối hợp với các ban ngành Trung ương tổ chức được 05 cuộc xúc tiến đầu tư tại nước ngoài (gồm: CHDCND Lào, CH Séc, Australia, Thái Lan, CHLB Đức) ngoài ra, tỉnh đã tổ chức tiếp đón nhiều nhà đầu tư từ các nước Ấn Độ, Hàn Quốc, Cộng hòa Séc, Đài Bắc... cùng với xu thế, các tập đoàn lớn cũng đã đến khảo sát,

cam kết đầu tư như các dự án như :Dự án đầu tư xây dựng kho ngoại quan và đường ống dẫn dầu từ cảng Hòn La đến Khăm Muộn của Công ty Lào Petro, các nhà đầu tư đến từ Bu San - Hàn Quốc, BomBay – Ấn Độ,....

Qua đó đã tạo ra được bức tranh, diện mạo mới của tỉnh, đây là một bước tạo đà rất thuận lợi, có tác động tích cực đến tình hình sản xuất kinh doanh của tỉnh trong thời gian tới.

*- Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):*

Trong giai đoạn 2011-2015 và 6 tháng đầu năm 2016, tỉnh Quảng Bình thu hút được 11 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký 91,92 triệu USD, trong đó, đầu tư trong khu công nghiệp có 04 dự án, với tổng kinh phí 26 triệu USD, đầu tư ngoài khu công nghiệp có 07 dự án với tổng kinh phí 65,92 triệu USD. Nhìn chung, Các dự án FDI trên địa bàn triển khai thực hiện còn khá chậm so với kế hoạch, tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư khá thấp, chỉ đạt 49,6% so với tổng nguồn vốn đăng ký đầu tư. Hiện nay, đã có 4 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh chính thức song kết quả sản xuất kinh doanh chưa thực sự hiệu quả, doanh thu còn hạn chế, tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên doanh số xuất khẩu cũng như nộp ngân sách còn rất thấp; Hiệu quả kinh tế do các nhà đầu tư FDI mang lại chưa được cao, tỷ trọng đóng góp vào ngân sách của tỉnh và thu nhập cho người lao động còn rất khiêm tốn chưa tương xứng với tiềm năng, thể mạnh và yêu cầu đặt ra theo chủ trương thu hút đầu tư của tỉnh.

*- Công tác vận động và thu hút nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA):*

Trong giai đoạn 2011-2015 đã triển khai 28 dự án với tổng vốn ODA: 346,94 triệu USD (vốn ODA: 276,53 triệu USD; vốn đối ứng: 70,41 triệu USD), chiếm khoảng 6% tổng giá trị sản phẩm GRDP. Trong đó, có 14 dự án kết thúc giai đoạn 2011-2015; 12 dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020 (có 06 dự án khởi công mới năm 2015 chuyển tiếp sang 2016-2020), tập trung vào các lĩnh vực: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục - Y tế, Du lịch - Dịch vụ công cộng, Điện, Giao thông, xoá đói giảm nghèo, nâng cao năng lực; thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị, cấp nước sạch và VSMT nông thôn... Về công tác giải ngân nguồn vốn ODA

trong gia đoạn vừa qua tương đối tốt, đã giải ngân được khoảng 131,73 triệu USD/ 135,45 triệu USD vốn cam kết. Nhìn chung, các dự án đã thực hiện đúng mục tiêu, tiến độ đề ra, đã có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống người dân địa phương, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền, tạo điều kiện giao thương trao đổi hàng hóa và phát triển kinh tế ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nhờ vậy cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, dịch vụ; đóng góp một phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh, từng bước giúp tỉnh thoát nghèo vươn lên mức trung bình chung của cả nước.

Trong năm 2016, được sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ, và các nhà tài trợ, Tỉnh Quảng Bình đang chuẩn bị các thủ tục cần thiết để tiếp nhận 03 dự án mới về đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh: Dự án hạ tầng cơ bản cho tăng trưởng toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ với tổng số vốn viện trợ hợp phần tỉnh Quảng Bình là 24,25 triệu USD; Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải tiêu dự án Thành phố Đồng Hới do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ, với tổng nguồn vốn đầu tư: 58,11 USD; Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ với số tiền: 22,44 triệu USD.

*- Công tác vận động và thu hút nguồn vốn viện trợ phi chính phủ (NGO):*

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Bình tăng cường thu hút nguồn vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài, hiện nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 113 tổ chức NGO đăng ký hoạt động với trên 150 chương trình, dự án và các khoản viện trợ phi dự án với tổng mức giá trị đạt gần 29 triệu USD. Tuy giá trị viện trợ PCPNN vẫn còn khá khiêm tốn nhưng đã mang lại hiệu quả thiết thực, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững cũng như phù hợp với ưu tiên và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các dự án trên tập trung vào các lĩnh vực xóa đói giảm nghèo, đào tạo nghề và hướng nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, người khuyết tật và trẻ em nghèo, dò tìm và rà phá bom mìn, tài nguyên môi trường; cứu trợ khẩn cấp các vùng bị thiên tai, phát triển cộng đồng...

## SỐ LIỆU KẾT QUẢ VIỆN TRỢ PCPNN GIAI ĐOẠN

2011 - 30/6/2016

NĂM	SỐ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	TỔNG MỨC VIỆN TRỢ (TRIỆU USD)
2011	42	4,2
2012	47	4,3
2013	16	3,4
2014	34	9,0
2015	19	5,6
30/6/2016	19	2,0
<b>Tổng giá trị viện trợ</b>		<b>28,5</b>

*(Nguồn cung cấp từ báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại hàng năm của UBND tỉnh Quảng Bình)*

Qua những kết quả nêu trên cho thấy công tác ngoại giao kinh tế; vận động và thu hút viện trợ phi chính phủ nước ngoài của tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua được thực hiện tương đối tốt, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các Bộ, ngành liên quan giải quyết thủ tục và thực hiện quản lý hoạt động của các tổ chức ODA, FDI, NGO tại địa phương theo đúng các quy định, tích cực hỗ trợ, tạo điều kiện các tổ chức trong việc thực hiện các chương trình, dự án tại tỉnh; thường xuyên chỉ đạo các sở, ngành liên quan tăng cường công tác QLNN đối với các dự án trên địa bàn tỉnh; tiến hành thanh tra các dự án trên địa bàn về việc thực hiện các quy định đối với hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

Công tác phối hợp, trao đổi và cung cấp thông tin về các dự án giữa các sở, ngành, địa phương liên quan được thực hiện thường xuyên, đảm bảo nắm bắt tình hình kịp thời theo yêu cầu. Tất cả các dự án đều được phê duyệt tiếp nhận theo Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài, thực hiện đúng cam kết, triển khai dự án kịp thời, giải ngân đúng tiến độ.

Tuy nhiên, công tác quản lý trong thời gian qua vẫn còn gặp một số khó khăn

như sau:

- Việc triển khai và phối hợp các hoạt động ngoại giao kinh tế giữa các ngành, địa phương trong tỉnh còn chưa đồng bộ, thống nhất. Một số hoạt động về cơ bản vẫn còn mang tính đơn lẻ, chưa xây dựng được khung chiến lược chung cho toàn tỉnh và gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh đến năm 2020.

- Đội ngũ cán bộ công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước Ngoại giao kinh tế; vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Công tác nghiên cứu, cập nhật và phổ biến thông tin liên quan đến xu hướng vận động và tình hình thương mại, kinh tế, chính trị, ngoại giao khu vực và thế giới chưa được thường xuyên, đầy đủ và kịp thời.

- Mặt khác, cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút, kêu gọi hoạt động đầu tư, thương mại, xuất nhập khẩu của tỉnh ban hành vẫn còn nhiều bất cập chưa đảm bảo sức hút mang tính đột phá; trình độ sản xuất, khả năng liên kết, hợp tác, tiếp thu khoa học công nghệ, năng lực quản trị của các doanh nghiệp trên địa bàn tư hoạt động đầu tư nước ngoài còn nhiều hạn chế. Kết quả vận động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức còn thấp, hoạt động thu hút viện trợ phi chính phủ còn thụ động, phụ thuộc vào sự điều phối của trung ương.

- Vẫn còn một số tổ chức khi thực hiện chương trình, dự án do các tổ chức phi chính phủ tài trợ không thực hiện các thủ tục phê duyệt tiếp nhận theo quy định, gây khó khăn cho công tác quản lý. Một số địa phương, đơn vị chưa nắm các quy định của Nhà nước về vận động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ phi chính phủ, chưa tuân thủ chế độ thông tin báo cáo, gây khó khăn cho công tác quản lý.

- Các dự án đa số được thực hiện ở vùng sâu, vùng xa, nơi có trình độ dân trí thấp, đi lại khó khăn, cơ sở vật chất và thông tin liên lạc kém nên các thông tin về các hoạt động trên vùng hưởng lợi không được cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, nhận thức của một số cộng đồng dân cư còn hạn chế, xem dự án là của nhà tài trợ nên chưa phát huy hết trách nhiệm, vai trò của mình trong quá trình thực hiện dự án.

- Về kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh chưa thường xuyên, toàn diện. Công tác quản lý lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, quản lý nguồn tài trợ từ nước ngoài cho các tổ chức phi chính phủ còn hạn chế.

#### *2.2.3.5. Công tác ngoại giao văn hóa; thông tin tuyên truyền đối ngoại và quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài*

Ngoại giao văn hóa cùng với ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị là ba trụ cột của nền ngoại giao toàn diện, hiện đại Việt Nam. Ba trụ cột này gắn bó, tác động lẫn nhau, góp phần thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Ngoại giao chính trị có vai trò định hướng, ngoại giao kinh tế là nền tảng vật chất và ngoại giao văn hóa là nền tảng tinh thần của hoạt động đối ngoại.

Trong những năm qua, hoạt động ngoại giao văn hóa của tỉnh gặt hái được nhiều kết quả. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai chiến lược Ngoại giao Văn hóa đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh nhằm tăng cường quảng bá, giới thiệu hình ảnh Quảng Bình với bạn bè trên thế giới, trong đó, tập trung vào những thế mạnh, tiềm năng nổi bật của tỉnh, đặc biệt là Di sản thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Phối hợp với Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là Di sản thiên nhiên thế giới lần thứ 2 về tiêu chí quá trình sinh thái và sinh học, đa dạng sinh học và đã được UNESCO chính thức công nhận tại kỳ họp lần thứ 39 của Ủy ban Di sản thế giới tại Born, Đức, tỉnh đã tổ chức Lễ đón Bằng ghi danh Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là Di sản thiên nhiên thế giới lần thứ 2 của tổ chức UNESCO.

Đồng thời, tỉnh cũng thường xuyên tổ chức các sự kiện văn hóa lớn để quảng bá lịch sử, truyền thống và tiềm năng đến công chúng quốc tế như: tổ chức Lễ hội hang động Quảng Bình năm nhằm tuyên truyền, quảng bá về văn hóa, du lịch, đặc biệt các giá trị đặc sắc và độc đáo của hệ thống hang động ở Quảng Bình, bao gồm các hoạt động: chương trình nghệ thuật chào mừng; triển khai “Tuần lễ khám phá vẻ đẹp hệ thống hang động kỳ vĩ ở Quảng Bình” với các điểm nhấn như khai trương các tuyến, điểm du lịch mới; các hoạt động văn hóa, thể thao và hội chợ ẩm thực

được tổ chức tại Khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, thành phố Đồng Hới và một số địa phương trong tỉnh,...

Hàng năm, Tỉnh đã cử đoàn thể thao học sinh tham gia chương trình thi đấu thể thao học sinh các tỉnh 3 nước Việt Nam, Lào, Thái Lan do tỉnh Nakhon Phanom tổ chức; đoàn tham gia Lễ hội đua thuyền truyền thống Thái Lan - Lào tranh cúp Công chúa do tỉnh Bung Càn tổ chức, thành lập Trung tâm Nghiên cứu văn hóa ASEAN tại Trường Đại học Quảng Bình nhằm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đặc biệt là thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động giao lưu văn hóa, học thuật với các trường đại học, các tổ chức, cá nhân trong khối ASEAN...v.v.

Bên cạnh đó, nhiều hoạt động ngoại giao văn hóa khác cũng thường xuyên được tổ chức tại thành phố như liên hoan phim, biểu diễn nghệ thuật truyền thống và hiện đại, triển lãm ảnh, giáo lưu ẩm thực, thể thao,... của các quốc gia như Lào, Thái Lan.

Để có thể đưa các giá trị văn hóa, hình ảnh của tỉnh Quảng Bình đến với bạn bè quốc tế thì công tác tuyên truyền, quảng bá là một công cụ hiệu quả. Trong thời gian qua, việc quảng bá hình ảnh Quảng Bình tại nước ngoài được xúc tiến mạnh mẽ với nhiều hình thức mới, cụ thể như: biên soạn tài liệu xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục và quy trình đầu tư tại tỉnh Quảng Bình; gửi hàng trăm ấn phẩm, tạp chí quảng bá Quảng Bình đến các đối tác, doanh nghiệp nước ngoài mà tỉnh có quan hệ hợp tác. Tỉnh cũng duy trì thường xuyên việc gửi thông tin, bài viết cho các báo, tạp chí trong và ngoài nước tại các buổi hội thảo, hội nghị; thông báo tóm tắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động đối ngoại của Quảng Bình cho các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức quốc tế mà tỉnh có quan hệ hợp tác.

Trong năm năm qua, tỉnh Quảng Bình có 61 đoàn đoàn phóng viên báo chí và đoàn làm phim nước ngoài đến hoạt động báo chí, mục đích chủ yếu của các đoàn là làm phim phóng sự, tư liệu, quảng bá du lịch... góp phần giới thiệu hình ảnh Quảng Bình đến các nước trên thế giới, hỗ trợ công tác xúc tiến đầu tư, thương mại,



du lịch chung của tỉnh. Đặc biệt vào tháng 5 năm 2015, kênh truyền hình ABC (Hoa Kỳ) đã thực hiện thành công việc quay và phát sóng trực tiếp trên chương trình Good Morning America về hang Sơn Đoòng và hang Én tại Quảng Bình, giúp giới thiệu kỳ quan thiên nhiên của Việt Nam đến với hàng chục triệu lượt người xem trên thế giới, là một sự kiện nổi bật thể hiện vai trò và tính hiệu quả của báo chí nước ngoài.

Để đạt được kết quả nói trên, trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Chính phủ về quản lý phóng viên báo chí nước ngoài, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý phóng viên báo chí nước ngoài đến hoạt động thông tin, báo chí tại tỉnh. Đây là cơ sở để các cơ quan quản lý tốt công tác này: từ khâu cấp phép đến đón và hướng dẫn phóng viên.

Tuy nhiên, trong công tác QLNN đối với phóng viên báo chí nước ngoài đến hoạt động thông tin, báo chí tại tỉnh trong thời gian qua vẫn còn gặp phải một số khó khăn như: Công tác tuyên truyền về các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động thông tin báo chí tại địa bàn tỉnh còn hạn chế dẫn đến trường hợp một số đoàn phóng viên khi đến hoạt động tại tỉnh không qua cơ quan đầu mối là Sở Ngoại vụ, gây khó khăn trong công tác quản lý; không thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về hoạt động thông tin báo chí nước ngoài tại Việt Nam như chế độ báo cáo sau khi kết thúc hoạt động báo chí tại địa phương không được thực hiện đầy đủ, thiếu sự phối hợp trao đổi thông tin giữa cơ quan hướng dẫn báo chí với ngoại vụ địa phương; Một số cơ quan, đơn vị trong tỉnh chưa hiểu đầy đủ về thẩm quyền cho phép phóng viên nước ngoài đến hoạt động báo chí tại địa phương, dẫn đến việc thiếu thống nhất trong trả lời yêu cầu của phóng viên, gây hiểu nhầm từ phía phóng viên đối với địa phương, chế độ báo cáo sau khi kết thúc hoạt động báo chí tại địa phương không được thực hiện đầy đủ...

#### *2.2.3.6. Công tác quản lý biên giới, lãnh thổ quốc gia*

Tỉnh Quảng Bình có bờ biển dài 116,04 km ở phía Đông, khu vực biên giới biển phân bố trên 18 xã, phường thuộc 04 huyện và 01 thành phố và có chung biên

giới biên giới quốc gia đất liền với Lào 201,87 km ở phía Tây tiếp giáp với 2 tỉnh Khăm Muộn và Savannakhet của nước CHDCND; trong đó có 181 km giáp với tỉnh Khăm Muộn, 20 km giáp với tỉnh Savannakhet. Vì vậy, xây dựng và bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia được coi là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình. Để thực hiện tốt công tác này, trên cơ sở quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện các quy định của Chính phủ, Bộ Ngoại giao và của các Bộ, ngành liên quan, trong thời gian qua Tỉnh đã xây dựng và ban hành chủ trương, chính sách và văn bản QLNN đối với hoạt động này như: Xây dựng và triển khai Kế hoạch hiệp đồng huy động, tiếp nhận lực lượng, phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc; Xây dựng các kế hoạch đảm bảo cho lực lượng, phương tiện tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo theo Nghị định 30/2010/NĐ-CP của Chính phủ; Tiến hành khảo sát các công trình chiến đấu ven biển trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch trùng tu, sửa chữa, đưa vào quản lý, sử dụng có hiệu quả khi tình huống xảy ra; đồng thời thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân, nhân dân ở khu vực biên giới biên giới trong việc thi hành các quy định của pháp luật về biên giới, lãnh thổ quốc gia. Vì vậy công tác quản lý biên giới, lãnh thổ quốc gia đã đạt được nhiều kết quả quan trọng:

*- Đối với công tác quản lý biên giới đất liền:*

Hợp tác chặt chẽ với các tỉnh Khăm Muộn, Savannakhet - CHDCND Lào nhằm mục tiêu xây dựng tuyến biên giới đất liền hoà bình, ổn định, hợp tác và cùng phát triển luôn là mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ và chính quyền tỉnh, được thể hiện trong các văn kiện đại hội Đảng bộ tỉnh qua các nhiệm. Hàng năm, UBND tỉnh phối hợp với các tỉnh Khăm Muộn, Savannakhet luân phiên tổ chức các cuộc họp song phương và ký kết biên bản hợp tác về công tác biên giới, từ đó chỉ đạo các cấp, các ngành của mỗi tỉnh phối hợp triển khai thực hiện các chương trình cụ thể.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Ngoại vụ phối hợp với Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh và một số sở, ngành có liên quan tổ chức các đợt khảo sát tình hình thực tế tại các xã biên giới để nắm các thông tin liên quan; phối hợp

với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các chương trình của Chính phủ và của tỉnh tại các địa phương về xoá đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ở khu vực biên giới. Thực hiện công tác vận động các nguồn viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, bà con Việt kiều để hỗ trợ cho các xã biên giới còn nhiều khó khăn.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị - Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; trên cơ sở Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam - Lào ký ngày 18/7/1977, Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam - Lào và Nghị định thư về việc phân giới trên thực địa và cắm mốc toàn bộ đường biên giới quốc gia Việt Nam - Lào ký ngày 24/1/1986, ngày 30/01/2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 137/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện công tác tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam - Lào. Đến nay, UBND tỉnh Quảng Bình đã tiến hành công tác tăng dày và tôn tạo tổng số 61 cột mốc và 01 cọc dấu (01 mốc đại, 15 mốc trung, 45 mốc tiêu), từ cột mốc số 516 đến cột mốc số 576 với các tỉnh Khăm Muộn và Savannakhet - CHDCND Lào.

*- Đối với tuyến biên giới biển:*

Nhằm xây dựng tuyến biên giới biển ổn định, UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân; phối hợp chặt chẽ trong việc đảm bảo an ninh - quốc phòng và đầu tư phát triển kinh tế, văn hoá xã hội. Nhìn chung, tình hình ANCT - TTATXH khu vực biên giới biển của Quảng Bình luôn được giữ vững ổn định, kinh tế phát triển khá, văn hoá xã hội chuyển biến tích cực, hệ thống cơ sở hạ tầng được củng cố và đầu tư xây mới. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ven biển ngày càng được cải thiện; nhận thức về biên giới, chủ quyền quốc gia biển, đảo và ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân ngày càng được nâng lên.

Trong những năm gần đây, trước tình hình biển Đông ngày càng trở nên phức tạp, đặt ra yêu cầu bức thiết về vấn đề chủ quyền biển, đảo của nước ta. Trung

ương đã thành lập Ủy ban Chỉ đạo Nhà nước về biển, đảo và yêu cầu các tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo biển, đảo cấp tỉnh. Năm 2011, Ban Chỉ đạo biển, đảo tỉnh Quảng Bình được thành lập và phân công Sở Ngoại vụ làm cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo. Sở Ngoại vụ và các cơ quan, ban, ngành trên địa bàn tỉnh cũng thường xuyên thu thập sách, tài liệu về biển đảo; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về luật biên giới lãnh thổ quốc gia và biển đảo quê hương; kiểm soát các tài liệu, bản đồ phục vụ hội nghị, hội thảo quốc tế nhằm tránh các thông tin sai lệch; thu thập thông tin về tình hình đánh bắt cá trên biển của ngư dân (liên quan đến việc Trung Quốc có lệnh cấm đánh bắt cá), tập trung chỉ đạo triển khai, thực hiện tốt các quy định của pháp luật đối với tàu, thuyền, ngư dân khi tham gia hoạt động trên biển. Ngoài ra, phổ biến cho ngư dân hiểu biết các quy định về quản lý, khai thác hải sản, tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật các nước góp phần giữ vững hòa bình, ổn định trên biển.

#### *2.2.3.7. Công tác lãnh sự và bảo hộ công dân*

Cùng với sự hội nhập toàn diện, tăng cường giao lưu hợp tác kinh tế, số lượng người nước ngoài đến Quảng Bình và từ Quảng Bình ra nước ngoài tăng lên qua các năm. Song song với điều đó, ngày càng nảy sinh nhiều vấn đề, vụ việc liên quan đến yếu tố nước ngoài trên địa bàn cũng như của người Quảng Bình ở nước ngoài. Do đó, tỉnh Quảng Bình rất chú trọng và thường xuyên chỉ đạo Sở Ngoại vụ, các sở, ngành trên phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình phải luôn bám sát tình hình, khắc phục khó khăn, không ngừng trau dồi nghiệp vụ để giải quyết các vấn đề một cách kịp thời, hiệu quả và đảm bảo đúng theo luật định và thông lệ quốc tế.

*- Đối với công tác bảo hộ công dân của tỉnh ở nước ngoài:*

Trên cơ sở Chỉ thị 1737/CT-TTg ngày 20/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài trong tình hình hiện nay, UBND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 1737/CT-TTg trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao vai trò, vị thế và tầm quan trọng của công tác bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của người di cư, tạo sự thống nhất trong nhận thức của các cấp, các ngành đối với

công bảo hộ công dân; Chỉ đạo các lực lượng chức năng thường xuyên cập nhật thông tin về công dân Việt Nam xuất nhập cảnh, tăng cường vận động công dân di cư hoặc XNC hợp pháp, thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam khi đi lao động, học tập, công tác tại nước ngoài, tạo điều kiện công dân Việt Nam ở nước ngoài, có điều kiện sinh sống, làm việc an toàn, ổn định, thực hiện tốt công tác hồi hương cho công dân của tỉnh bị nước ngoài trục xuất, bắt giữ.

Kết quả từ năm 2011 đến ngày 30/6/2016, UBND tỉnh giải quyết đăng ký kết hôn cho 230 trường hợp, đăng ký khai sinh 45 trường hợp, đăng ký nhận cha, mẹ, con 11 trường hợp có yếu tố nước ngoài; Phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại các nước, Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao đưa 93 trường hợp ngư dân của tỉnh bị bắt ở nước ngoài hồi hương; tiếp nhận 674 trường hợp bị Vương Quốc Anh, CHLB Đức và một số quốc gia khác không cho cư trú về sinh sống tại địa phương, 170 trường hợp bị Trung Quốc bắt, giam; xác minh nhân thân phục vụ tiếp nhận trở lại đối với 535 trường hợp đang bị nước ngoài bắt, giam giữ chờ trao trả; xác minh nhân thân để cấp lại hộ chiếu phổ thông cho 88 trường hợp bị mất hộ chiếu, hộ chiếu hết hạn ở nước ngoài. Đặc biệt, ngày 23/6/2014, khi nhận được thông tin tàu cá QB 93256 TS của tỉnh Quảng Bình bị Trung Quốc bắt giữ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Ngoại vụ, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các địa phương nơi có ngư dân thường trú tiến hành phối hợp xác minh, đồng thời có văn bản báo cáo, đề nghị Bộ Ngoại giao giúp đỡ, tiến hành các biện pháp đấu tranh ngoại giao nhằm bảo hộ các ngư dân tàu cá QB 93256 TS của tỉnh Quảng Bình sớm có thể trở về nước an toàn, đoàn tụ gia đình.

*- Đối với công tác xử lý các vụ việc liên quan đến người nước xảy ra trên địa bàn tỉnh:*

Trong thời gian từ năm 2011 đến 30/6/2016, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Ngoại vụ phối hợp với các ngành chức năng trên địa bàn tỉnh, Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán các nước có liên quan giải quyết 91 vụ việc liên quan đến nhân thân, tài sản, đi lại, làm ăn, sinh sống, học tập, công tác, du lịch, kinh doanh, đầu tư của các cá nhân, tổ

chức nước ngoài trên địa bàn tỉnh (34 vụ liên tai nạn giao thông, 51 vụ việc khác). Công tác xử lý luôn tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế. Được Bộ Ngoại giao và Đại sứ quán các nước có liên quan đánh giá cao, qua đó thắt chặt hơn nữa mối quan hệ, giúp đỡ lẫn nhau giữa công dân các nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo hộ công dân của tỉnh Quảng Bình còn gặp phải những tồn tại khó khăn như: Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tuy thực hiện với nhiều hình thức tổ chức nhưng chưa được thực hiện một cách thường xuyên. Quy định của pháp luật còn nhiều kẽ hở, bị kẻ xấu lợi dụng đưa người ra nước ngoài trái pháp luật, làm cho công tác bảo hộ công dân gặp nhiều khó khăn.

Công tác tham mưu các cấp, các ngành về chính sách bảo hộ công dân đôi lúc còn chưa kịp thời, kết quả hạn chế. Sự phối hợp giữa các đơn vị, cơ quan trên địa bàn, chính quyền địa phương, giữa trong và ngoài nước còn thiếu chặt chẽ, thống nhất. Nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài còn hạn chế.

#### *2.2.3.8. Công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài*

Xác định tầm quan trọng của công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài, hàng năm, tỉnh Quảng Bình xây dựng kế hoạch hoạt động đối ngoại của tỉnh, trong đó, chú trọng đến công tác về người Việt Nam ở nước ngoài. Thực hiện chủ trương đại đoàn kết dân tộc, phát huy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc của kiều bào, tỉnh Quảng Bình đã từng bước đẩy mạnh công tác vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài thông qua việc tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa cho kiều bào.

Hiện nay, cộng đồng người Việt Nam quê hương Quảng Bình có hàng chục ngàn bà con đang sinh sống và làm việc ở nhiều nước trên thế giới, đông nhất là các tỉnh thuộc vùng trung, nam, CHDCND Lào, vùng đông bắc Thái Lan.

Xác định Lào và Thái Lan là nơi có số đông kiều bào gốc Quảng Bình sinh sống tỉnh đã tập trung hướng đến địa bàn này. Tỉnh đã tổ chức đi tìm hiểu tình hình kiều bào ở các tỉnh của Lào và Thái Lan, làm việc với chính quyền các tỉnh, qua đó, tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn đối với kiều bào và tăng cường mối quan hệ

hữu nghị giữa Quảng Bình với các tỉnh nước bạn. Đối với các nước khác do không có điều kiện tổ chức đoàn khảo sát, nhân dịp các chuyến công tác, lãnh đạo tỉnh và các ngành đều tranh thủ gặp gỡ đại diện cộng đồng người gốc Quảng Bình để nắm bắt tình hình, tuyên truyền các chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh, vận động kiều bào hỗ trợ địa phương phát triển. Hàng năm, tổ chức chương trình “Vui xuân trên quê hương Quảng Bình” cho bà con kiều bào đang sinh sống tại các nước trên thế giới. Để bà con kiều bào gặp gỡ giao lưu với lãnh đạo tỉnh, tìm hiểu tình hình kinh tế, xã hội và tìm cơ hội đầu tư, thực hiện các hoạt động từ thiện; phối hợp với Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài tạo mọi điều kiện hỗ trợ tổ chức chương trình Trại hè cho thanh niên, sinh viên kiều bào hàng năm trên hành trình dọc theo đất nước khi qua địa phận tỉnh Quảng Bình và một số hoạt động khác của kiều bào; cử các đoàn nghệ thuật của tỉnh sang biểu diễn phục vụ bà con ở một số tỉnh của Lào và Thái Lan vào các dịp lễ, Tết; tổ chức giao lưu văn hóa nghệ thuật giữa các tỉnh; hỗ trợ giáo viên sang dạy tiếng Việt cho Hội người Việt Nam tỉnh Khăm Muộn tại thị xã Thà Khẹt, tỉnh Khăm Muộn, CHDCND Lào...

Bên cạnh đó, nhằm động viên, khích lệ đối với kiều bào có nhiều đóng góp cho quê hương, tạo nên các phong trào thi đua, từ đó vận động, thu hút kiều bào về đóng góp xây dựng quê hương, UBND tỉnh cũng tăng cường thực hiện công tác thi đua khen thưởng đối với kiều bào.

Nhờ làm tốt công tác này, nên trong những năm qua tỉnh Quảng Bình cũng đã nhận được nhiều sự giúp đỡ của bà con kiều bào trên một số lĩnh vực như: trên lĩnh vực hợp tác khoa học - giáo dục, chuyển giao công nghệ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, ủng hộ đồng bào tỉnh Quảng Bình bị ảnh hưởng của thiên tai, khắc phục hậu quả chiến tranh...

Nhìn chung, tỉnh Quảng Bình đã tích cực thực hiện công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài theo tinh thần Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị và đã đạt được những kết quả tích cực. Đã có bước chuyển biến quan trọng trong nhận thức của các cấp, các ngành cũng như cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Công tác vận động cộng đồng được quan tâm thực hiện, xây dựng được mối quan hệ gắn

bó giữa kiều bào ở nước ngoài với chính quyền, nhân dân trong tỉnh, đồng thời, khuyến khích kiều bào hướng về quê hương với nhiều hoạt động có ý nghĩa, góp phần tăng cường mối quan hệ hữu nghị giữa tỉnh Quảng Bình với một số tỉnh, địa phương ở nước ngoài.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài tại tỉnh Quảng Bình còn gặp phải một số khó khăn sau đây:

Một số ngành, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ được trách nhiệm, xem đây là nhiệm vụ của cơ quan chuyên trách, nên chưa thực sự quan tâm, chủ động trong lĩnh vực công tác này. Việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước và tình hình kinh tế, xã hội của tỉnh, đất nước cho bà con kiều bào còn hạn chế; điều kiện để gặp gỡ, tuyên truyền, vận động kiều bào còn khó khăn. Chưa hình thành và triển khai được cơ chế chỉ đạo, phối hợp và chia sẻ thông tin giữa trung ương với địa phương, giữa cơ quan ngoài nước với cơ quan trong nước, giữa các cơ quan liên quan trong tỉnh. Tổ chức bộ máy về công tác người Việt Nam ở nước ngoài chưa hoàn thiện, cán bộ ít và còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhiệm vụ, yêu cầu đặt ra. Kinh phí để thực hiện công tác này chưa được bố trí nên rất khó khăn trong việc triển khai các hoạt động liên quan.

*2.2.3.9. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân nước ngoài và nhận khen thưởng của nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài*

Nhằm tạo động lực, động viên, lôi cuốn, khuyến khích cá nhân, tổ chức nước ngoài và sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình và phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trong công tác QLNN nói chung, QLNN đối với hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình nói riêng, việc khen thưởng các tổ chức, cá nhân nước ngoài và nhận khen thưởng của nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài luôn được quan tâm thực hiện. Định kỳ, hàng năm, tỉnh tổ chức gặp mặt các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh nhằm tổng kết, đánh giá công tác hoạt động, đồng thời khen thưởng các tổ chức, cá nhân nước ngoài nhằm động viên, khích lệ họ, cụ thể, khen



thường rất nhiều cá nhân và tổ chức NGO như: Văn phòng Dự án Plan Quảng Bình, Tổ chức MAG Quảng Bình, Tổ chức CDC... Đặc biệt trong năm 2015 Tỉnh Quảng Bình đã đề nghị Chủ tịch Nước tặng Huân chương Lao động hạng 3 cho ông Howard Limbert, chuyên gia hàng động Hoàng gia Anh vì có thành tích xuất sắc trong công tác thám hiểm, nghiên cứu và khảo sát hệ thống hàng động Phong Nha - Kẻ Bàng, góp phần quảng bá hình ảnh du lịch tỉnh Quảng Bình; tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho 01 tập thể và 02 cá nhân của tổ chức Plan International vì thành tích đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình.

Đối với việc nhận khen thưởng của nhà nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài: với kết quả thực hiện hoàn thành xuất sắc công tác cắm mốc tại tỉnh, Trung ương hai nước Việt Nam và Lào đã có các hình thức khen thưởng cho các tập thể và cá nhân của tỉnh Quảng Bình, trong đó, phía Lào tặng Huân chương Hữu nghị cho 01 tập thể và 01 cá nhân, Huy chương Hữu nghị cho 03 cá nhân, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Lào Bằng khen của cho 02 cá nhân của tỉnh Quảng Bình.

### **2.3. Những hạn chế và nguyên nhân trong quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình**

#### **2.3.1. Đánh giá chung**

##### **2.3.1.1. Ưu điểm**

Thực hiện đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, năm cuối cùng thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2015, triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2015-2020, tỉnh Quảng Bình đã triển khai có hiệu quả các hoạt động đối ngoại, góp phần đảm bảo, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình nói riêng, khu vực Miền trung – Tây nguyên và cả nước nói chung. Sở dĩ trong 5 năm qua có được những kết quả nói trên là do công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình có những ưu điểm như sau:

*Thứ nhất*, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, Tỉnh Ủy, UBND tỉnh đã chú trọng kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ đối ngoại với phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, tỉnh tập trung tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai đường lối đối ngoại của Việt Nam được đưa ra tại Đại hội XI là: đánh dấu bước chuyển từ chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế đến "chủ động tích cực hội nhập quốc tế". Đồng thời, Đại hội cũng khẳng định, cần "triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại", "phối hợp hoạt động đối ngoại của Đảng; ngoại giao Nhà nước và ngoại giao nhân dân; giữa ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hoá, giữa đối ngoại với quốc phòng an ninh". Hội đồng nhân dân tỉnh đã đưa nội dung nghị quyết vào nội dung nghị quyết kỳ họp hàng năm; UBND tỉnh triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm cho tất cả các lực lượng; cơ quan ban ngành, đoàn thể chính trị tỉnh phối hợp thực hiện, tham mưu cho lãnh đạo tỉnh và vận động nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết với quyết tâm cao nhất.

*Thứ hai*, công tác tổ chức thực hiện, trên cơ sở Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã giao trách nhiệm cho từng cơ quan, trong đó Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh chủ động thực hiện các hoạt động đối ngoại trên phạm vi chức năng nhiệm vụ quyền hạn của mình, thường xuyên quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các quy định trong QLNN đối với hoạt động đối ngoại; nắm vững kế hoạch, chủ trương của cấp trên, tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện tốt công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Bên cạnh đó, hoạt động của Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Bình là yếu tố quan trọng, góp phần to lớn vào hiệu quả hoạt động QLNN đối với hoạt động đối ngoại, là lực lượng nòng cốt tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các chiến lược ngoại giao của tỉnh trong từng giai đoạn nhất định; chủ động phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương trong triển khai thi hành các văn bản, quyết định, chỉ thị,... của Chính phủ và của tỉnh đối với hoạt động đối ngoại, đồng thời làm tốt công

tác thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh về nghiệp vụ đối ngoại, góp phần quan trọng vào thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước cũng như phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và sự nghiệp phát triển đất nước nói chung.

Mặt khác, công tác phối kết hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong QLNN đối với hoạt động đối ngoại đã được thực hiện tương đối. Ý thức chấp hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, cá nhân và ngoài nước từng bước được nâng cao.

*Hoạt động QLNN về đối ngoại của tỉnh Quảng Bình đạt được những kết quả trên là nhờ:*

*Thứ nhất*, công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình nói riêng và của cả nước nói chung luôn được sự lãnh đạo kịp thời, đúng đắn của Đảng, của Chính phủ, Bộ Ngoại giao và sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền các cấp, của cả hệ thống chính trị và nhân dân từ đó đề ra nhiều chủ trương, biện pháp phù hợp với hoạt động này.

Đầu tiên phải nói đến đó là do chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng được thể hiện bằng việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị, Hướng dẫn... về quản lý các hoạt động đối ngoại. Đây là cơ sở quan trọng cho các cơ quan nhà nước định hướng đúng đắn trong việc triển khai xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, xây dựng chính sách, kế hoạch hoạt động đối ngoại của mình.

Ngoài ra, Nhà nước đã từng bước xây dựng hệ thống pháp luật về QLNN đối với hoạt động đối ngoại và các văn bản hướng dẫn thi hành nên khung pháp lý tương đối toàn diện làm cơ sở để tổ chức QLNN và điều chỉnh các quan hệ liên quan đến lĩnh vực đối ngoại. Đây cũng là nền tảng pháp lý quan trọng để các địa phương, trong đó có tỉnh Quảng Bình triển khai nhiệm vụ trong thực tế.

Những năm qua, các cấp ủy Đảng và chính quyền tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại, đồng thời xem công tác này là một trong các nhiệm vụ quan trọng của địa phương. Thông qua hoạt động này để

đánh giá kết quả quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp. Sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác QLNN về hoạt động đối ngoại được thể hiện từ việc xây dựng kế hoạch, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại; quan tâm đầu tư, hỗ trợ kinh phí, phương tiện đảm bảo cho cơ quan thực hiện chức năng QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

*Thứ hai*, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng của nhà nước, các tổ chức đoàn thể và sự ủng hộ, đóng góp của nhân dân đối với hoạt động QLNN đối với hoạt động đối ngoại.

Từ thực tiễn hoạt động QLNN đối với hoạt động đối ngoại cho thấy cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hữu quan địa phương là rất quan trọng. Các cơ quan, tổ chức và nhân dân đã phối hợp với cơ quan QLNN đối với hoạt động đối ngoại tương đối nhịp nhàng, chặt chẽ. Trong đó, Sở ngoại vụ là cơ quan chức năng đầu mối phối hợp với các cơ quan chức năng khác ở trên địa bàn ban hành các quy chế phối hợp để quản lý các hoạt động đối ngoại có liên quan.

*Thứ ba*, có sự nỗ lực, quyết tâm phấn đấu của các cấp chính quyền tỉnh, đội ngũ cán bộ, công chức thực thi công vụ

Những năm trở lại đây, công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại được quan tâm một cách toàn diện, từ thể chế đến bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ QLNN đối với hoạt động đối ngoại được đảm bảo về số lượng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn tốt; luôn đề cao trách nhiệm cá nhân trong lĩnh vực công tác được phân công phụ trách nhằm thực hiện có hiệu quả công việc được giao; luôn coi trọng công tác chính trị, tư tưởng, trau dồi đạo đức, phẩm chất đội ngũ thực thi công vụ; xây dựng đội ngũ công chức với tinh thần “cần, kiệm, liêm, chính. Chí, công vô tư”, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đoàn kết thống nhất trong nội bộ cao.

#### *2.3.1.2. Những tồn tại, hạn chế*

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại Quảng Bình trong thời gian qua, còn bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định. Trong đó nổi lên những hạn chế sau:

*Công tác ban hành văn bản để thực hiện quản lý các hoạt động đối ngoại:*

Các văn bản pháp quy làm căn cứ pháp lý và hướng dẫn việc phát triển các hoạt động đối ngoại còn thiếu, yếu và chưa thống nhất. Nội dung đối ngoại mới, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, công tác phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành về đối ngoại chưa được làm tốt, cho nên tình trạng một nhiệm vụ đối ngoại được giao cho nhiều ngành, nhưng lại không có ngành chủ trì dẫn đến việc chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các ngành và địa phương. Vì vậy, gây cản trở không nhỏ đến quá trình thực hiện quản lý các hoạt động đối ngoại.

Mặt khác, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại của Trung ương là cơ sở để ban hành văn bản quy phạm pháp luật của địa phương và để áp dụng pháp luật chưa thực sự dễ hiểu, còn mang tính chất định tính. Trong nhiều trường hợp, ở địa phương còn có nhiều cách hiểu khác nhau về văn bản quy phạm pháp luật, dẫn đến tình trạng hướng dẫn thực hiện và áp dụng khác nhau và việc phân biệt văn bản quy phạm pháp luật với các văn bản có tính chất cá biệt chưa thống nhất về nhận thức. Trên thực tế, nhiều cơ quan tham mưu xây dựng ban hành văn bản còn khá lúng túng trong việc phân biệt giữa văn bản quy phạm pháp luật và văn bản áp dụng pháp luật, ở một số văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương có nội dung quy định về thẩm quyền của chính quyền địa phương khi ban hành văn bản về một lĩnh vực cụ thể còn chưa được thống nhất, cụ thể là: Có văn bản thì hướng dẫn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, có văn bản lại hướng dẫn thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh. Việc hướng dẫn chưa được thực hiện thống nhất này dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong việc nhận biết văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có tính cá biệt.

Cho đến nay Bộ Ngoại giao vẫn chưa có văn bản quy định lại cụ thể hình thức, tên gọi và hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quan hệ hợp tác cấp địa phương. Các quy định, hướng dẫn hiện có chỉ tập trung vào việc ký kết thỏa thuận quốc tế nói chung của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong bối cảnh đó, công

tác thúc đẩy, tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế giữa các địa phương trong nước với các địa phương nước ngoài gặp nhiều khó khăn.

Xuất phát từ tình hình chung đó, tại tỉnh Quảng Bình, công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại cũng gặp phải những khó khăn, vướng mắc nhất định. Phần lớn chưa có những văn bản chỉ đạo quản lý sâu hơn, cụ thể hơn trong từng lĩnh vực hoạt động đối ngoại, chỉ mới ban hành được quy chế quản lý quản lý đoàn ra - đoàn vào, quy chế phối hợp quản lý hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài trên địa bàn tỉnh, quy chế vận động viên trợ phi chính phủ, còn các lĩnh vực khác chưa có. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành luật còn hạn chế, thiếu tính kịp thời như: Trên cơ sở Quyết định số 27-QĐ/TU ngày 28 tháng 10 năm 2010 của Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh, ngày 23/8/2012 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào tỉnh Quảng Bình. Ngày 13/01/2016, Tỉnh ủy Quảng Bình đã ban hành Quyết định số 85-QĐ/TU về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình thay thế Quyết định số 27-QĐ/TU ngày 28/10/2010, nhưng đến thời điểm hiện nay UBND tỉnh vẫn chưa ban hành quy chế mới về quản lý đoàn ra, đoàn vào tỉnh Quảng Bình để phù hợp với Quyết định của Tỉnh ủy nên gây khó khăn trong công tác tham mưu, quản lý hoạt động đoàn ra đoàn vào thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

*Tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại:*

Một bất cập lớn đối với việc tổ chức bộ máy làm công tác đối ngoại có thể nói là sự chỉ đạo không thống nhất của Chính phủ về việc thành lập cơ quan tham mưu về công tác đối ngoại của UBND cấp tỉnh là Sở Ngoại vụ. Căn cứ theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, thì trong hệ thống các cơ quan chuyên môn, Sở Ngoại vụ chỉ được tổ chức ở những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đặc thù riêng. Vì vậy, mặc dù, ở cấp Trung ương cơ quan chuyên môn tham mưu về công tác đối ngoại được tổ chức chặt chẽ, hệ thống

là Bộ Ngoại giao, nhưng ở các địa phương thì lại tỉnh có, tỉnh không, không được tổ chức ở cơ quan cấp huyện, đồng thời cũng không có biên chế làm công tác đối ngoại. Tính đến tháng 06/2016 theo số liệu của Cục Ngoại vụ địa phương thuộc Bộ Ngoại giao, trên cả nước có 49 Sở ngoại vụ, ở 15 tỉnh còn lại chỉ thành lập Phòng Đối ngoại trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh. Bên cạnh đó, mặc dù trong thông tư hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đều có nhiệm vụ hợp tác quốc tế về lĩnh vực được giao hoặc có nhiệm vụ liên quan đến hoạt động đối ngoại nhưng các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, thành phố trung ương cũng không được giao biên chế theo dõi về công tác đối ngoại.

Sự chỉ đạo của UBND tỉnh còn phân tán, chưa đồng bộ, tình trạng chông chéo giữa các cơ quan chuyên môn của tỉnh còn nhiều, một số hoạt động đối ngoại như công tác biên giới, đối ngoại nhân dân, Công tác về người Việt nam ở nước ngoài, ... chưa có đầu mối thống nhất quản lý.

Về mặt tư duy, đối ngoại vẫn còn được xem là một lĩnh vực “thứ yếu” tại một số cơ quan, đơn vị. Không giống như những chính sách khác có những chế tài, ràng buộc trực tiếp; chính sách và đề án liên quan đến đối ngoại tác động chủ yếu đến một số cơ quan QLNN trên lĩnh vực đối ngoại và kinh tế đối ngoại (cụ thể là Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương hay Trung tâm Xúc tiến Đầu tư) và thiên về định hướng nên chưa có sức lan tỏa và có tầm ảnh hưởng đến các đơn vị QLNN khác.

Với những hạn chế chung như vậy, nên tại tỉnh Quảng Bình chưa thể xâu chuỗi hết hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của các sở, ban, ngành để cùng hướng đến một tiêu chí, định hướng chung. Đó cũng là lý do khiến sự phối hợp giữa các đơn vị, ban, ngành trên địa bàn tỉnh trên lĩnh vực đối ngoại còn lỏng lẻo mặc dù tỉnh đã ban hành quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.

*Năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý về đối ngoại:*

Hiện nay, đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại của tỉnh còn thiếu, năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu nhất là về kiến thức đối ngoại, kinh tế đối ngoại, luật

pháp quốc tế và trình độ ngoại ngữ.

Đội ngũ cán bộ, công chức còn yếu về năng lực nghiên cứu, dự báo tình hình kinh tế- chính trị thế giới còn yếu, công tác thông tin về pháp luật, tập quán kinh doanh và thương mại quốc tế còn hạn chế, việc tuyên truyền, quảng bá tỉnh đã có đổi mới nhưng chưa thật sự mạnh mẽ và sâu rộng.

Hầu hết cán bộ được giao nhiệm vụ làm công tác đối ngoại ở các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh đều phải thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm vì vậy không được đào tạo chính quy về lĩnh vực đối ngoại, quan hệ quốc tế hay biên phiên dịch. Phần lớn, đội ngũ làm công tác đối ngoại của tỉnh dựa vào đội ngũ cán bộ của Sở Ngoại vụ. Vì vậy trên thực tế, hầu như những hoạt động mang tính chất đối ngoại trên địa bàn tỉnh đều yêu cầu sự hỗ trợ từ phía Sở Ngoại vụ. Trong 26 cán bộ, viên chức của Sở Ngoại vụ tỉnh, có 90 % biết ngoại ngữ, 3% tốt nghiệp chuyên ngành quan hệ quốc tế. Tuy nhiên trong số đó thì chỉ 60 % cán bộ có khả năng tự giao dịch, làm việc và đáp ứng được các yêu cầu của các đối tác nước ngoài. Trong khi đó việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi học tập ở nước ngoài để nâng cao trình độ gặp khó khăn nhất định về kinh phí, về trình độ chuyên môn và nhân sự thay thế làm việc trong thời gian cử cán bộ công chức đi nước ngoài. Và hiện nay, đây là một thực tế khó khăn chung của công tác ngoại vụ địa phương.

*Sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương với địa phương, hợp tác giữa các đơn vị trên địa bàn chưa chặt chẽ:*

Sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương với địa phương, hợp tác giữa các đơn vị của địa phương trong một số hoạt động chưa chặt chẽ, đặc biệt thiếu sự phối hợp trao đổi thông tin giữa cơ quan Trung ương với địa phương như: Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài ; quản lý phóng viên báo chí nước ngoài đến hoạt động tại tỉnh, quản lý các đoàn vào khác đã ảnh hưởng gây khó khăn trong công tác đón tiếp, quản lý các đoàn vào, nhất là các đoàn khách do Bộ, Ngành đưa xuống làm việc tại địa phương; sự hướng dẫn về nghiệp vụ của Bộ Ngoại giao giải quyết, xử lý các tình huống nhạy cảm đôi khi chưa kịp thời. Việc kết nối với một số cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài còn chưa thường xuyên và hiệu quả.



Một số nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực đối ngoại chưa được các Bộ, ngành cấp Trung ương phân định rõ chức năng nhiệm vụ đã dẫn đến thiếu tính đồng bộ trong việc phối hợp thực hiện ở cấp địa phương. Ví dụ như công tác quản lý về viện trợ phi chính phủ nước ngoài thì có rất nhiều như: Nghị định 12/2012/NĐ-CP về Đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định 93/2009/NĐ-CP của Chính phủ về Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN, Thông tư 07/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định 93... theo đó phân phê duyệt dự án được giao cho Sở Kế hoạch và đầu tư, phần theo dõi, kêu gọi, vận động và quản lý dự án giao cho Sở Ngoại vụ. Hoặc như công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, Ủy ban mặt trận theo dõi công tác đoàn kết người Việt Nam nói chung, Sở Ngoại vụ theo dõi công tác nắm tình hình, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu đề xuất các chính sách nhằm vận động, thu hút nguồn lực từ bà con kiều bào về xây dựng quê hương.

Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành đôi khi còn chồng chéo và chưa nhịp nhàng. Trong một số lĩnh vực, chương trình hay dự án hợp tác quốc tế cụ thể, sự phối hợp giữa cơ quan đầu mối với cơ quan chuyên môn chưa thực sự hiệu quả. Cơ quan đầu mối, có khả năng xúc tiến các dự án hợp tác nhiều khi chưa nắm bắt kịp thời nhu cầu và tình hình hợp tác của cơ quan chuyên môn, do đó xảy ra hiện tượng vận động chồng chéo khiến một đối tác phải “gõ cửa” nhiều địa chỉ khác nhau khi cùng xử lý một vấn đề. Cơ quan chuyên môn sau khi tiếp nhận dự án, chương trình lại thường “bỏ qua” cơ quan đầu mối trong công tác phối hợp, đến khi có vấn đề phát sinh cần giải quyết mới xây dựng lại quan hệ phối hợp từ đầu.

*Công tác hợp tác quốc tế đôi khi chưa được coi trọng, chưa tận dụng được hết các kênh thông tin để quảng bá, tuyên truyền và thu hút đầu tư:*

Công tác hợp tác quốc tế, đặc biệt là quan hệ hợp tác với các địa phương nước ngoài, cần một thời gian dài để có thể đi đến một kết quả cụ thể. Trong nhiều trường hợp, quan hệ hợp tác giữa Quảng Bình và một địa phương nước ngoài chỉ mang tính tượng trưng, giúp quảng bá tỉnh và đóng góp vào sự hòa bình, ổn định chung chứ không có chương trình, dự án cụ thể. Trong khi đó, thực tế phát triển

năng động của tỉnh dẫn đến việc chính quyền luôn đặt yêu cầu cao và kỳ vọng vào hiệu quả kinh tế của các mối quan hệ quốc tế.

Ở một số lĩnh vực nhất định, tỉnh chưa thực sự hấp dẫn trong mắt nhà đầu tư và đối tác nước ngoài. Ví dụ trong lĩnh vực đầu tư, Quảng Bình thiếu các ngành công nghiệp phụ trợ, thị trường tiêu thụ lại nhỏ hẹp, do đó các nhà đầu tư nước ngoài còn e dè khi đưa ra quyết định, đặc biệt trong các ngành công nghệ cao là lĩnh vực mà tỉnh đang rất chú trọng thu hút. Trong lĩnh vực thương mại, số lượng doanh nghiệp xuất nhập khẩu rất ít, đa phần là doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa với sản lượng hàng hóa trung bình, nhu cầu mở rộng thị trường không nhiều nên chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến, hợp tác.

*Chưa đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu phục vụ hoạt động đối ngoại:*

Hiện nay, tỉnh chưa có cơ chế chủ động nguồn ngân sách phân bổ cho việc thực hiện hoạt động đối ngoại hằng năm. Trong khi đó, các cơ quan chuyên môn và UBND tỉnh thường xuyên phát sinh các hoạt động đối ngoại, phát sinh kinh phí từ nguồn ngân sách của tỉnh chi cho các hoạt động đối ngoại đột xuất này, dẫn đến việc thực hiện các hoạt động đối ngoại thường xuyên bị động, không thực sự hiệu quả.

Nguồn kinh phí ngân sách phân bổ cho hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm còn thấp, do đó tính chủ động trong mở rộng hợp tác quốc tế chưa được phát huy tốt, đặc biệt là công tác quảng bá, tổ chức các chương trình giới thiệu hình ảnh văn hóa, du lịch của thành phố ra thế giới.

Chưa có hệ thống cơ sở hạ tầng cần thiết để làm dịch vụ đón tiếp các đoàn khách cấp cao của Đảng và Nhà nước, khách mời của lãnh đạo tỉnh, các đối tác nước ngoài đến thăm và làm việc. Việc tổ chức các hoạt động lễ tân, khánh tiết của lãnh đạo tỉnh còn phụ thuộc vào cơ sở vật chất của các đơn vị tư nhân. Trong khi đó, các đơn vị tư nhân phục vụ theo quy luật phát triển của thị trường mà nguồn kinh phí phục vụ qua các năm vẫn không thay đổi. Vì vậy, việc triển khai các hoạt

động đối ngoại cũng bị ảnh hưởng không nhỏ.

### **2.3.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

Nhưng hạn chế nói trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Về mặt tư duy, đối ngoại vẫn còn được xem là một lĩnh vực “thứ yếu” trong hoạt động QLNN. Vì vậy, lãnh đạo tỉnh vẫn chưa có sự quan tâm đúng mức đối với công tác đối ngoại. Chưa thực sự coi các hoạt động đối ngoại địa phương là "cánh tay nối dài" của Bộ Ngoại giao và các cơ quan đối ngoại ở Trung ương trong việc triển khai công tác đối ngoại trong phạm vi cả nước. Vẫn còn kiêu tư duy cán bộ làm việc trong lĩnh vực đối ngoại là những người "phục vụ", giúp thủ trưởng tiếp khách đối ngoại.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đối ngoại hiện nay vẫn còn thiếu, yếu và chưa đồng bộ. Nhiều quan hệ phát sinh trong lĩnh vực đối ngoại phát sinh vẫn chưa được điều chỉnh kịp thời.

Sự chỉ đạo của UBND tỉnh còn phân tán, chưa đồng bộ, tình trạng chông chéo giữa các cơ quan chuyên môn của tỉnh còn nhiều, một số hoạt động đối ngoại như công tác viện trợ phi chính phủ, đối ngoại nhân dân, Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài, biên giới... chưa có đầu mối thống nhất quản lý. Dẫn đến sự chông chéo, phối kết hợp rời rạc.

Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác đối ngoại vẫn chưa được đào tạo đồng đều. Hầu hết các cơ quan hoạt động đối ngoại đều rất thiếu cán bộ đối ngoại được đào tạo cơ bản và không thu hút được sinh viên từ các trường đào tạo chính qui về đối ngoại và kinh tế đối ngoại. Vẫn chưa có chính sách đãi ngộ thỏa đáng và chiến lược cán bộ phù hợp cho công tác đối ngoại, để tạo ra một đội ngũ cán bộ đối ngoại đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Các cơ quan tham mưu đối với hoạt động đối ngoại chưa thực sự chủ động tích cực trong việc xây dựng kế hoạch đối ngoại của tỉnh hướng tới các mục tiêu trung - dài hạn, phù hợp với điều kiện và thế mạnh địa phương, tập trung vào lĩnh vực ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế, xúc tiến thương mại và tạo mối liên kết với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài.

Công tác cải cách hành chính vẫn còn chưa thực hiệu quả. Nhiều thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các hoạt động đối ngoại.

QLNN về đối ngoại có vai trò ngày càng rõ nét, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình. Những thành tựu đối với hoạt động đối ngoại là kết quả của quá trình chủ động và tích cực hội nhập để tận dụng sự hỗ trợ và nguồn lực từ bên ngoài phục vụ sự nghiệp phát triển tỉnh. Những hạn chế và thách thức cũng được phân tích nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết cho quá trình hội nhập và hợp tác trong giai đoạn kế tiếp. Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác QLNN về đối ngoại, tỉnh Quảng Bình cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp.

## **Kết luận Chương 2**

Tại chương 2, luận văn trình bày, phân tích các yếu tố tác động đến công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình như vị trí địa lý, dân cư, điều kiện kinh tế - xã hội; Tổng hợp và phân tích thực trạng công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại. Trong đó tập trung vào những kết quả đạt được để xây dựng văn bản pháp luật, tổ chức thực hiện QLNN đối với hoạt động đối ngoại, đồng thời phân tích làm rõ những hạn chế, tồn tại cần khắc phục.

Trong thời gian qua, tỉnh Quảng Bình đã có nhiều nỗ lực, cố gắng để quản lý các hoạt động đối ngoại, tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

Tuy nhiên, trước nhu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của nước ta, hoạt động QLNN đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình nói riêng, của quốc gia nói chung cũng đã và đang bộc lộ nhiều hạn chế cần phải khắc phục. Những hạn chế, yếu kém có nguyên nhân chủ quan từ phía địa phương, cũng có nguyên nhân khách quan từ cả hệ thống chính sách, pháp luật, tổ chức bộ máy, kinh phí ...của nhà nước.

Trong bối cảnh đó, rất cần thiết phải tìm kiếm các giải pháp toàn diện, khả

thi nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại địa phương nói riêng, tầm quốc gia nói chung.

Các hạn chế trong hoạt động QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình chỉ ra Chương 2 là cơ sở chủ yếu để luận văn đề xuất phương hướng, giải pháp tại Chương 3.

### CHƯƠNG 3

## PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI TỪ THỰC TIỄN TỈNH QUẢNG BÌNH

### **3.1. Yêu cầu để tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình**

#### ***3.1.1. Thực hiện tốt chức năng đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tổ quốc***

Với những tiềm năng và lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện kinh tế xã hội, dân cư... nêu trên Quảng Bình có một vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững trong chiến lược phát triển kinh tế của cả nước.

Vậy, vấn đề đặt ra cho tỉnh là làm thế nào để phát huy tất cả các nguồn lực trong và ngoài nước nhằm phục vụ công cuộc phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ tổ quốc cũng như khẳng định được vai trò và vị thế của mình. Nếu như nguồn lực trong nước bao gồm sự hỗ trợ của Trung ương, từ vốn tự có hoặc từ các thành phần kinh tế trong nước, thì nguồn lực bên ngoài bao gồm nguồn viện trợ, đầu tư, vốn vay, hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và trình độ quản lý, kinh nghiệm của bạn bè và đối tác quốc tế. Hội nhập và hợp tác quốc tế chính là chìa khoá quan trọng giúp tỉnh Quảng Bình có thể tiếp cận được sự ủng hộ và các nguồn lực quý báu từ bên ngoài này.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đối ngoại với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thực hiện mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 12, chính vì vậy tại Nghị quyết đại hội đại biểu lần thứ XVI của Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã xác định: “Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh để thu hút các nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội, chú trọng thu hút các dự án lớn, công nghệ cao làm động lực phát triển cho khu vực. Mở rộng quan hệ, hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, các đại sứ để quảng bá, xúc tiến đầu tư. Tiếp tục tranh thủ, vận

động thêm vốn ODA, thu hút vốn NGO.” Tỉnh cần đưa ra nhiều chương trình hành động nhằm cụ thể hóa nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước để góp phần thúc đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế. Đồng thời tập trung các giải pháp chung như nâng cao nhận thức, đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại, hoàn thiện cơ chế chính sách, xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch, phát triển nguồn nhân lực và đáp ứng kinh phí thì việc lựa chọn, phân kỳ thực hiện đối với các giải pháp cụ thể như mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương nước ngoài, tích cực huy động nguồn lực nước ngoài như ODA, NGO, FDI, kêu gọi người Việt Nam ở nước ngoài về hợp tác đầu tư cũng đóng vai trò quan trọng.

Đồng thời, Tỉnh cần tăng cường chỉ đạo các ngành chức năng trên địa bàn công tác quản lý, bảo vệ đường biên mốc giới và trật tự trị an khu vực biên giới đất liền, biên giới biển luôn được giữ vững, ổn định; quan hệ hợp tác giữa chính quyền địa phương và lực lượng quản lý biên giới hai bên Quảng Bình - Khăm Muộn được tăng cường, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân biên giới yên tâm phát triển sản xuất, khai thác tiềm năng, thế mạnh về kinh tế cửa khẩu; thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững KT-XH vùng biên; xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển với nước bạn Lào.

### ***3.1.2. Nâng cao vị thế của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam***

Theo bài trả lời phỏng vấn của Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh trên báo Lao động về vị thế của nước CHXHCN Việt Nam, năm 2015: “Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế chưa bao giờ cao như thế. Đó là những thành tựu trong phát triển kinh tế, phát triển đất nước, trong các cam kết quốc tế, chẳng hạn dù khó khăn nhưng chúng ta đã hoàn thành các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc. Chúng ta cũng đóng góp vào công việc chung thế giới, từng bước hội nhập quốc tế, từ ban đầu tham gia đến chủ động hội nhập, có đóng góp cụ thể, giải quyết không chỉ những vấn đề không chỉ liên quan chúng ta mà cả những vấn đề thế giới, là thành viên Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, thành viên Hội đồng nhân quyền, Ủy ban Kinh tế xã hội Liên hợp quốc. Trong khu vực chúng ta là thành viên ASEAN, tham gia xây dựng hiến chương, kiên trì cùng ASEAN thúc

đẩy thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông và tiến tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông, tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và có thể thấy nước nào có tiềm lực kinh tế, tài chính, quân sự mạnh sẽ có vai trò vị thế, tiếng nói lớn trong diễn đàn đó. Nhưng có những nước tiềm lực quân sự không mạnh, dân số không nhiều, kinh tế có thể phát triển, nhưng vẫn có tiếng nói. Đó là vì họ có đóng góp cụ thể vào công việc chung của thế giới, được các nước ghi nhận. Đó là trường hợp của Việt Nam. Quá trình hội nhập, tham gia vào các tổ chức thế giới và khu vực đã tạo vị thế của chúng ta. Việc thiết lập quan hệ với các nước, trong đó có những nước quan trọng cũng tạo nên vị thế của Việt Nam.”

Có thể khẳng định, trong những năm qua, công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại luôn đồng hành, góp phần quan trọng vào những thành công, bước phát triển của cả dân tộc. Trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ, các chủ trương, đường lối đối ngoại được lãnh đạo Đảng, Nhà nước điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm tình hình đất nước, bối cảnh khu vực và quốc tế, tất cả đều nhằm mục tiêu cao nhất là sự phát triển của đất nước, chính vì vậy mà vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao và hoạt động đối ngoại đã đạt nhiều thành tựu nổi bật. Trong thời gian tới, đối ngoại Việt Nam cần phát huy cao độ những thành tựu đã đạt được, khắc phục những mặt tồn tại, triển khai các hoạt động đối ngoại chủ động, mạnh mẽ và toàn diện cả song phương và đa phương theo những hướng lớn sau:

Trên cơ sở vị thế quốc tế đạt được trong những năm qua, tiếp tục triển khai các hoạt động hội nhập quốc tế một cách chủ động, mạnh mẽ, toàn diện hơn, phát huy tư cách là thành viên tích cực và có trách nhiệm tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, góp phần nâng vị thế quốc tế của Việt Nam lên một tầm cao mới.

*Thứ nhất*, chủ động cùng với các nước đối tác triển khai mạnh mẽ và hoàn thiện các khuôn khổ quan hệ, nhất là với các đối tác hàng đầu, mang tầm chiến lược hoặc có nhiều tiềm năng hợp tác với Việt Nam nhằm đưa các khuôn khổ này đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững .

*Thứ hai*, tiếp tục nghiên cứu, tìm giải pháp thúc đẩy giải quyết dứt điểm các



vấn đề còn tồn tại về biên giới lãnh thổ với các nước láng giềng trên tinh thần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, duy trì cục diện quan hệ ổn định với các nước liên quan, góp phần củng cố môi trường hoà bình, ổn định ở khu vực và trên thế giới.

*Thứ ba*, tăng cường huy động và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài phục vụ chiến lược tăng trưởng mới, vì sự phát triển bền vững của đất nước. Theo đó, cần sớm xây dựng Chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế trong tình hình mới và đề ra lộ trình triển khai, trong đó có việc tham gia các FTA. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế theo hướng tăng cường nội hàm thực chất, hiệu quả, tích cực và chủ động hơn nữa trong triển khai các hoạt động xúc tiến kinh tế đối ngoại với các đối tác, khai phá các thị trường tiềm năng. Cần làm tốt hơn nữa công tác thông tin, nghiên cứu, dự báo, tham khảo kinh nghiệm phát triển của các nước để tham mưu cho Chính phủ trong công tác hoạch định chính sách.

*Thứ tư*, triển khai chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020 trên cơ sở gắn chặt với ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế. Tiếp tục phát huy những thành tựu quan trọng của công tác về người Việt Nam ở nước ngoài và bảo hộ công dân, hoàn thiện và triển khai tốt các chính sách đối với kiều bào, hỗ trợ kiều bào hội nhập sở tại, giữ gìn bản sắc dân tộc, mở rộng các hoạt động tập hợp, vận động kiều bào hướng về đất nước.

*Thứ năm*, tăng cường thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại; nâng cao hơn nữa hiệu quả phối hợp giữa đối ngoại Đảng, Nhà nước, Quốc hội, địa phương và hoạt động ngoại giao nhân dân và đẩy mạnh triển khai Luật về các Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài.

### ***3.1.3. Tăng cường tính chủ động, sáng tạo của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Công cuộc đổi mới đất nước, sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xu hướng mở cửa, hội nhập quốc tế tạo ra những tiền đề và đòi hỏi phải đổi mới, tăng cường phân cấp QLNN từ Trung ương đến địa phương. Đặc biệt, nhằm phát huy mạnh mẽ tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách

nhệm của chính quyền các cấp trong quản lý, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Để đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và từng địa phương hiện nay, cần tiếp tục đẩy mạnh phân cấp QLNN giữa Trung ương và địa phương, tập trung vào phân cấp nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm giữa Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trên lĩnh vực đối ngoại. Cần phải có những hành lang pháp lý phù hợp tạo sự chủ động, sáng tạo cho các địa phương trong việc quyết định và thực hiện các hoạt động đối ngoại.

Bên cạnh đó, trên cơ sở tận dụng những ưu thế sẵn có, chính quyền tỉnh phải chủ động, sáng tạo đưa ra những quyết sách, chủ trương lớn nhằm từng bước vận dụng các đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đối ngoại để thực hiện có hiệu quả công cuộc hợp tác, hội nhập quốc tế của địa phương. Tuy nhiên, sự chủ động sáng tạo ấy nằm trong khuôn khổ quy định của pháp luật đồng thời được áp dụng và thực hiện phù hợp với thực tiễn của tỉnh, tạo điều kiện cho tỉnh quyết định các nhiệm vụ đối ngoại sao cho hiệu quả trên phạm vi địa phương mình. Nếu thực hiện được như vậy, thiết nghĩ QLNN đối với hoạt động đối ngoại mang quốc gia nói chung của tỉnh Quảng Bình nói riêng trong thời gian tới sẽ đạt được những kết quả cao hơn.

### **3.2. Phương hướng tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình**

#### ***3.2.1. Đẩy mạnh công tác phân cấp quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại giữa Trung ương và Địa phương***

Để hoạt động QLNN nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, cần tiếp tục đẩy mạnh phân cấp QLNN giữa Chính phủ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trên cơ sở phân định rõ, cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của mỗi cấp trong bộ máy nhà nước, bảo đảm sự quản lý thống nhất và thông suốt của Chính phủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN phục vụ tốt hơn nhu cầu và lợi ích của nhân dân, thúc đẩy phát

triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương.

Theo quy định, Chính phủ thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại, như vậy việc phân cấp trong đối ngoại cũng cần phải phải đảm bảo sự quản lý tập trung thống nhất của Chính phủ. Vấn đề phân cấp quản lý hoạt động đối ngoại được thể hiện trong Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 của Chính phủ. Trong đó, phân định một số nội dung, nhiệm vụ đối ngoại thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, UBND tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Quảng Bình được phép quyết định và chịu trách nhiệm về các hoạt động đối ngoại của tỉnh.

Tuy việc phân cấp quản lý là khá cơ bản, nhưng chưa thực sự phù hợp và còn bất cập so với thực tế, một số quy định có tính khả thi không cao. Hiện nay vẫn còn một số nội dung đối ngoại cần có sự phân cấp cho UBND tỉnh quyết định nhằm góp phần tạo nên sự chủ động trong công tác quản lý đối ngoại của từng địa phương như: quy định về xử lý một số hoạt động đột xuất, phát sinh cần giải quyết gấp, trong đó quy định rõ ràng một số hoạt động đột xuất, phát sinh, quy trình xin ý kiến, tổ chức triển khai để vừa đảm bảo yêu cầu về đối ngoại, vừa tạo ra cơ chế xử lý linh hoạt, kịp thời cho các địa phương trong thực tế, trong đó có tỉnh Quảng Bình; thẩm quyền xây dựng, tổ chức triển khai chiến lược hội nhập quốc tế, chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế dài hạn, trung hạn và hàng năm của địa phương và công tác QLNN về đối ngoại tại địa phương để xác định rõ hơn về phạm vi, trách nhiệm của lãnh đạo các cấp trong công tác đối ngoại, không chỉ bó gọn trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm. Đặc biệt là phù hợp với tình hình thực tế hiện nay là Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 14/02/2011 về Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020 và tỉnh Quảng Bình đã xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược này trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

### ***3.2.2. Tăng cường sự phối hợp trong hoạt động đối ngoại giữa Trung ương và Địa phương***

Bên cạnh sự chủ động sáng tạo của địa phương thì sự phối hợp nhịp nhàng giữa Trung ương - địa phương là hết sức cần thiết. Sự phối hợp giữa Trung ương và

địa phương không chỉ là việc Trung ương hướng dẫn địa phương giải quyết các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của mình mà còn tạo nên sự triển khai hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương.

Công tác đối ngoại của địa phương được triển khai đồng bộ với kế hoạch cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với thực tế địa phương và bám sát sự chỉ đạo, quản lý thống nhất về đối ngoại theo chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nhà nước. Bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các đơn vị của Bộ Ngoại giao - Cơ quan đại diện - Cơ quan ngoại vụ địa phương, đặc biệt là việc tìm hiểu đối tác, xác minh đối tác, hợp tác tổ chức xúc tiến kinh tế đối ngoại...

### ***3.2.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành với cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành với cơ quan thực hiện chức năng hoạt động đối ngoại đối với hoạt động đối ngoại ở Trung ương hay địa phương là một trong những biện pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác QLNN về đối ngoại.

Trong những năm qua, Sở Ngoại vụ tỉnh Quảng Bình với chức năng là cơ quan tham mưu cho UBND tỉnh về công tác đối ngoại đã chủ động phối hợp cùng các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh xây dựng một số quy chế phối hợp để thực hiện quản lý một số hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh như: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự trong hoạt động đối ngoại giữa Sở Ngoại vụ - Công an tỉnh; Quy chế phối hợp quản lý phóng viên nước ngoài ...Định kỳ hằng năm, tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm việc triển khai các quy chế này;

Sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh sẽ giúp cho cả cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp thực hiện nắm được toàn bộ những sự kiện, hoạt động đối ngoại của các ngành, địa phương thông qua việc xây dựng và thực hiện chương trình hoạt động đối ngoại, xin phép UBND tỉnh thực hiện các hoạt động đối ngoại cụ thể thông qua vai trò thẩm định, hướng dẫn và tổng hợp của Sở Ngoại vụ - cơ quan chuyên môn về công tác đối ngoại đồng thời giúp cho Sở Ngoại vụ tổng hợp xây dựng được chương trình đối ngoại của Ủy ban nhân dân tỉnh, nắm

được toàn bộ các hoạt động đối ngoại diễn ra trên địa bàn tỉnh, chủ động tham mưu cho các ngành trên địa bàn thực hiện.

### **3.3. Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình**

#### **3.3.1 Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại**

Khoản 1 Điều 4 Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định địa vị pháp lý của Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”. [22, tr.2]

Như vậy, mọi hoạt động của Nhà nước và xã hội đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, do đó khi xem xét đến việc tăng cường QLNN nói chung, QLNN đối với hoạt động đối ngoại nói riêng, đề tài không thể không đề cập đến việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Trong tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, thực tế luôn đặt ra cho Đảng một trách nhiệm chính trị trước Nhân dân và lịch sử dân tộc, gắn liền với sự lãnh đạo của mình. Khoản 2 Điều 4 Hiến pháp 2013 quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình”. [22, tr.2]

Từ những vấn đề nêu trên, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cũng đồng nghĩa với tăng cường tính chịu trách nhiệm của Đảng trước nhân dân. Với tư cách là người lãnh đạo chính trị, Đảng không làm thay chính quyền mà chỉ quyết định những vấn đề về quan điểm, tư tưởng, chủ trương lớn để chỉ đạo, định hướng cho Chính phủ tổ chức thực hiện. Đảng xem xét, quyết định những phương hướng, chủ trương, chính sách lớn trên các lĩnh vực bảo đảm đúng định hướng chính trị của Đảng. Như vậy, việc lựa chọn đúng vấn đề quan trọng liên quan tới hoạt động của

Chính phủ mà Đảng cần bàn bạc và ra quyết định là rất cần thiết để tránh được sự lẫn lộn giữa chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của Chính phủ.

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng ở tỉnh Quảng Bình đã rất coi trọng công tác quản lý các hoạt động đối ngoại, chú trọng công tác xây dựng lực lượng làm công tác đối ngoại và các lực lượng liên quan khác. Để tăng cường hiệu lực quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh trong quá trình hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao tính hiệu quả, toàn diện, thiết thực của công tác đối ngoại Đảng và Nhà nước, Tỉnh ủy Quảng Bình đã ban hành quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại.

Trong khuôn khổ của đề tài, nội dung cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động đối ngoại về đối ngoại cần tập trung vào một số các yêu cầu cơ bản sau đây:

*Thứ nhất*, các cấp ủy, tổ chức Đảng cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt về đường lối và chính sách đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới;

*Thứ hai*, các cấp ủy, chính quyền địa phương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại và các văn bản pháp luật có liên quan đến QLNN đối với hoạt động đối ngoại;

*Thứ ba*, phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức Đảng trong việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong hoạt động đối ngoại;

*Thứ tư*, tăng cường thống nhất lãnh đạo và công tác phối kết hợp giữa các tổ chức, cơ sở Đảng của tỉnh và các cơ quan, đơn vị chức năng của Trung ương, các ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ hoạt động đối ngoại đối với hoạt động đối ngoại;

*Thứ năm*, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, rút kinh nghiệm việc thực hiện Nghị quyết của Đảng các cấp. Thường xuyên làm tốt công tác nắm tình hình để

có quyết định lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp, kịp thời, nhất là công tác xử lý tình huống phát sinh trong hoạt động đối ngoại.

### ***3.3.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Hệ thống pháp luật là công cụ hữu hiệu để quản lý các hoạt động đối ngoại góp phần tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động đối ngoại của Nhà nước được triển khai thuận lợi. Theo đó:

- Tập trung vào công tác ban hành và thi hành văn bản quy phạm pháp luật về đối ngoại, nhằm thể chế hóa các quy định của Trung ương cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Đồng thời, tiến hành hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật QLNN đối với hoạt động đối ngoại theo thẩm quyền luật định, điều chỉnh các quan hệ thuộc nhiệm vụ của đối ngoại địa phương trên tinh thần phân công, phân nhiệm rõ ràng và giải quyết các nội dung hoạt động đối ngoại của địa phương theo hướng chuyên trách, phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn và ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cần tập trung rà soát các văn bản pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Trước mắt UBND tỉnh cần sửa đổi, bổ sung Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 về việc ban hành quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào tỉnh Quảng Bình để phù hợp Quyết định số 85-QĐ/TU ngày 13/01/2016 của Tỉnh ủy Quảng Bình về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình, đặc biệt là sửa đổi về quy trình, thủ tục thực hiện công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào.

- Cần đẩy mạnh việc nghiên cứu các hiệp định, thỏa thuận quốc tế đã ký kết giữa Việt Nam và các nước, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế để tranh thủ các chương trình hợp tác cho Quốc gia nói chung, của tỉnh nói riêng trong khuôn khổ các hiệp định, thỏa thuận này.

### ***3.3.3. Tăng cường đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng tính dự báo chiến lược, tham mưu về đối ngoại***

Nghiêm túc thực hiện công tác cải cách hành chính nói chung và trong lĩnh

vực đối ngoại nói riêng, đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Thực hiện rà soát, sửa đổi và ban hành những chính sách đầu tư thông thoáng, hấp dẫn hơn trên cơ sở pháp luật hiện hành nhằm tạo môi trường đầu tư cởi mở và thuận lợi cho nhà đầu tư; Đối mới quy trình soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kết hợp với việc tiếp tục thực hiện cải cách hành chính tạo môi trường cho người dân và doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận các dịch vụ hành chính như: xuất nhập cảnh, hợp pháp hoá lãnh sự...xin thủ tục đầu tư đơn giản, gọn nhẹ.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo tình hình quốc tế, đánh giá đúng những thuận lợi, khó khăn, thách thức trong bối cảnh hội nhập, xu hướng hợp tác phát triển, thông tin về thị trường, xu hướng đầu tư, tập quán kinh doanh, kiểm tra xác minh đối tác nước ngoài để cung cấp cho các cơ quan liên quan.

#### ***3.3.4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BNG-BNV ngày 28/6/2015 của liên Bộ Ngoại giao - Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo đó, Tỉnh cần căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao để kiện toàn bộ máy của Sở Ngoại vụ, theo đó chú trọng việc giao số biên chế cần thiết để Sở Ngoại vụ hoàn thành nhiệm vụ được giao, xem xét tách, thành lập một số phòng chuyên môn của Sở Ngoại vụ cho phù hợp với điều kiện hiện nay như: đổi tên phòng Lãnh sự thành phòng Lãnh sự - Người Việt Nam ở nước ngoài.

Bổ sung và tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại ở các sở, ban, ngành của tỉnh; đảm bảo tại các sở, ban, ngành của địa phương không trực tiếp làm công tác QLNN về công tác đối ngoại có từ 01-02 cán bộ kiêm nhiệm được đào tạo về đối ngoại, giỏi ngoại ngữ, am hiểu các vấn đề hợp tác quốc tế.

Cần xem xét giao biên chế theo dõi công tác QLNN về đối ngoại ở các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh để thực hiện nhiệm vụ quản lý hoạt động đối ngoại theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Cải tiến công tác tuyên dụng, nâng cao chất lượng “nguồn đầu vào” với tiêu



chí chú trọng thu hút nhân tài, tuyển chọn đúng cán bộ trẻ có trình độ, năng lực chuyên môn và tiềm năng để trở thành cán bộ quản lý đối ngoại giỏi trên nhiều lĩnh vực. Công tác tuyển dụng phải được tiến hành nghiêm túc, bài bản và thường xuyên, đảm bảo đáp ứng nguồn nhân lực cho các đơn vị.

Đẩy mạnh công tác rèn luyện và nâng cao bản lĩnh chính trị-tư tưởng, ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức và tác phong nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và nhiệt huyết của đội ngũ cán bộ nói chung, đặc biệt là cán bộ trẻ.

Có kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho công tác đối ngoại trong thời kỳ mới. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ủy ban quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế và các bộ, ngành, Trung ương thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn về công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế cho cán bộ của địa phương. Tranh thủ nguồn viện trợ quốc tế, các chương trình học bổng để nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ của địa phương làm công tác đối ngoại.

### ***3.3.5. Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đối ngoại***

Hằng năm, trên cơ sở các kế hoạch đối ngoại đã được phê duyệt, tỉnh cân bố trí riêng một khoản kinh phí từ ngân sách tỉnh để triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại.

Đồng thời, tích cực kêu gọi hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế, các quỹ quốc tế nhằm phục vụ nghiên cứu và triển khai công tác đối ngoại tại tỉnh.

Tăng cường xúc tiến mở đường bay quốc tế trực tiếp đến tỉnh, nâng cấp các tuyến đường bộ quốc tế Việt Nam - Lào gồm: tuyến đường 12 nối cửa khẩu quốc tế Cha Lo - Na phầu , đường 20 nối cửa khẩu phụ Cà Roòng - Noọng Ma, tuyến đường 16 nối cửa khẩu phụ Chút Mút - Lả Vón, các tuyến tàu du lịch biển đến Quảng Bình để thu hút khách du lịch quốc tế, xuất nhập khẩu hàng hóa.

### ***3.3.6. Tăng cường kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với hoạt động đối ngoại***

Nhằm phát hiện xử lý đối với các sai phạm có tính chủ quan, đồng thời rút kinh nghiệm đối với những vi phạm mang tính khách quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại ở các đơn vị trên địa bàn tỉnh cần xây dựng các kế hoạch Thanh

tra, kiểm tra quá trình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại và thực hiện các kế hoạch đó. Trong đó trọng tâm vào giám sát các hoạt động đối ngoại thường xuyên xảy ra sai phạm như: cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác nước ngoài, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế, công tác quản lý nguồn viện trợ phi chính phủ, công tác quản lý đoàn vào...

Để thực hiện tốt chức năng giám sát các hoạt động đối ngoại cần phải kiện toàn, bộ phận Thanh tra – Pháp chế Sở Ngoại vụ được thành lập theo Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND về việc thành lập Thanh tra Sở Ngoại vụ .

### ***3.3.7. Tăng cường hội nhập và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế phục vụ công tác đối ngoại***

Để tăng cường hội nhập và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế phục vụ công tác đối ngoại, trước hết Tỉnh cần tổ chức quán triệt và triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XII của Đảng với phương châm tiếp tục nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại; tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức tại tỉnh, từ đó giúp các cơ quan, ban, ngành nêu cao trách nhiệm, tăng cường vai trò phối hợp về hội nhập quốc tế .

Cần xác định rõ mục tiêu của công tác hợp tác quốc tế, để từ đó có hướng đi phù hợp. Tại các diễn đàn hợp tác song phương, đa phương, tỉnh Quảng Bình cần phải khẳng định hơn nữa vai trò và sự tham gia của mình để giải quyết những vấn đề chung, chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm phát triển của bạn để áp dụng và công cuộc xây dựng và phát triển địa phương. Bên cạnh đó, để tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài, tỉnh cần xúc tiến quảng bá thị trường; tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong tỉnh tiếp cận các cơ hội giao thương, xuất khẩu với các doanh nghiệp nước ngoài.

Để đạt được những kết quả tích cực trong hội nhập và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, công tác công tác đối ngoại của tỉnh cần thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Chú trọng phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống với các tỉnh của

nước CHDCND Lào, đặc biệt là xây dựng mối quan hệ hữu nghị hợp tác toàn diện với hai tỉnh Khăm Muộn và Sa-văn-na-khệt. Duy trì việc luân phiên định kỳ trao đổi đoàn nhằm học tập, trao đổi kinh nghiệm với những nội dung cụ thể, thiết thực, hiệu quả theo chủ trương, chính sách và mục tiêu hợp tác, hữu nghị của Đảng, chính phủ hai nước, Biên bản ký kết giữa hai tỉnh.

- Tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là quan hệ hữu nghị hợp tác với tỉnh của Lào, Thái Lan trong Hiệp hội 9 tỉnh 3 nước Việt Nam - Lào - Thái Lan sử dụng chung đường 8 và đường 12. Tiếp tục tăng cường, mở rộng quan hệ hợp tác với bang Tây Úc, Đức, Séc, Hung-ga-ri, Hàn Quốc.

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài nước đi đôi với nâng cao vốn thực hiện, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, đặc biệt đối với dự án Khu Công nghệ cao. Chú trọng kêu gọi đầu tư từ một số thị trường lớn: Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Singapore...

- Tranh thủ sự tài trợ của các tổ chức quốc tế và các quỹ hợp tác phát triển, trong đó tập trung xúc tiến các dự án lớn.

- Tham gia tích cực kết nối, quảng bá và thu hút khách du lịch như: thực hiện “Chương trình phát triển năng lực có trách nhiệm với môi trường và xã hội: do Liên minh châu Âu tài trợ (dự án EU-ESRT)....

- Xúc tiến, vận động nguồn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ cho các tổ chức xã hội, hỗ trợ các đối tượng dễ bị tổn thương và đào tạo nghề cho đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, tập trung kêu gọi các dự án hỗ trợ hạn chế thiệt hại do biến đổi khí hậu, khắc phục môi trường; sử dụng nguồn viện trợ hiệu quả, đúng mục đích.

- Tăng cường kết nối giữa địa phương, doanh nghiệp với các cơ quan Trung ương, các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức xúc tiến thương mại, và tranh thủ nguồn hỗ trợ từ Chương trình Xúc tiến Thương mại Quốc gia nhằm giúp doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng, khai thông thị trường sang các thị trường mới .

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi

cho nhà đầu tư, đặc biệt phổ biến rộng rãi cơ chế thu hút đầu tư vào các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh đến các nhà đầu tư tiềm năng.

### **Kết luận Chương 3**

Trong những năm qua, trên cơ sở quy định của pháp luật và tổ chức bộ máy nhân sự làm công tác đối ngoại, hoạt động quản lý các hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình cơ bản đáp ứng được yêu cầu. Tuy nhiên, trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, công tác QLNN nói chung, quản lý các hoạt động đối ngoại nói riêng hết sức cấp bách; bên cạnh đó, nhu cầu phát triển ngoại giao kinh tế nhằm góp phần phát triển tỉnh giàu mạnh, đã đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn cho QLNN đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình.

Để đáp ứng đòi hỏi nói trên, luận văn đã đưa ra một số giải pháp, bao gồm cả những giải pháp chung của Trung ương và những giải pháp cụ thể của tỉnh Quảng Bình để thực hiện hiệu quả hơn công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại; phân tích chỉ ra việc thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường QLNN đối với hoạt động đối ngoại đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo Cấp ủy, chính quyền với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân; các cơ quan, đơn vị có chức năng của Trung ương và Địa phương cần triển khai thực hiện thống nhất, kịp thời để đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong điều kiện sự hội nhập quốc tế ngày càng diễn ra sâu rộng như hiện nay.

## KẾT LUẬN

Hoạt động đối ngoại là một lĩnh vực khá nhạy cảm và chứa đựng những phức tạp đòi hỏi nhà nước phải quản lý. Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động quản lý các hoạt động đối ngoại của các cấp, các ngành trên địa tỉnh Quảng Bình đã đạt những kết quả tích cực đối với công cuộc phát triển - kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế và bảo vệ tổ quốc của tỉnh Quảng Bình nói riêng, cả nước nói chung.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển đó, công tác này vẫn còn một số tồn tại, hạn chế nhất định mà trong đó có cả nguyên nhân khách và chủ quan khác nhau. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại, trong điều kiện là một công chức làm công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại, học viên nhận thấy việc nghiên cứu đề tài “QLNN đối với hoạt động đối ngoại từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình” là hết sức cần thiết, vừa giúp học viên tổng hợp, đánh giá được thực tiễn công tác này tại địa phương, đồng thời phân nào đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới. Qua nghiên cứu, đề tài đã cơ bản giải quyết được các mục đích và nhiệm vụ đề ra, cụ thể:

1. Làm rõ được những luận cứ cơ bản làm cơ sở nghiên cứu công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại, cũng như đặc điểm về điều kiện tự nhiên, dân cư, KT - XH, tổ chức bộ máy...có liên quan đến công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại của tỉnh Quảng Bình.

2. Qua khảo sát, phân tích hoạt động này đề tài đã nghiên cứu, đánh giá được thực trạng tổ chức thực hiện các công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình từ 2011 đến nay. Đã tập trung đánh giá những ưu điểm, hạn chế, thiếu sót, cũng như nguyên nhân, trong đó trước hết là sự bất cập của hệ thống pháp luật chưa theo kịp yêu cầu và tình hình thực tiễn; những hạn chế trong chính sách quản lý, tổ chức bộ máy, sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành .....

3. Từ thực tiễn công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại tại tỉnh Quảng Bình, đề tài đã đưa ra một số yêu cầu và giải pháp góp tăng cường công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại trên cả nước nói chung và tại tỉnh Quảng Bình nói riêng trong thời gian tới. Các giải pháp này mang tính đồng bộ, đi từ việc lãnh đạo, chỉ

đạo của các cấp ủy đảng, việc thực hiện quản lý của chính quyền địa phương trên tất cả các hoạt động đối ngoại, nâng cao nhận thức cho các cơ quan, ban ngành, quần chúng nhân dân. Với việc chỉ ra những ưu điểm, tồn tại và đưa ra các giải pháp trên, sẽ góp phần nhỏ bé để nâng cao hiệu quả công tác QLNN đối với hoạt động đối ngoại trong thời gian tới.

Trong quá trình nghiên cứu, thực hiện luận văn, học viên cũng đã rất cố gắng. Tuy nhiên, vì sự hiểu biết và thời gian có hạn cho nên nội dung luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định. Để hoàn thiện đề tài, học viên rất mong nhận được sự góp ý và bổ sung của các thầy cô giáo, các đồng chí đồng nghiệp và cán bộ các đơn vị thực tiễn. Quá trình nghiên cứu, học viên đã nhận được sự quan tâm hướng dẫn, giúp đỡ của các cơ quan liên quan của tỉnh Quảng Bình như: Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa thể thao và Du lịch, Ban Tôn giáo tỉnh, Chi Cục thống kê tỉnh, Công an tỉnh, BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh.v.v.. Học viên xin chân thành cảm ơn!

Học viên thực sự biết ơn Học viện Khoa học xã hội đã tạo cho học viên được học tập, nghiên cứu chương trình Thạc sĩ Luật học. Cảm ơn Quý thầy, cô giáo đã nhiệt tình hướng dẫn, giảng dạy, giúp học viên hoàn thành chương trình đào tạo tại Học viện. Đặc biệt, học viên trân trọng cảm ơn TS .Nguyễn Văn Thuận, người đã tận tâm hướng dẫn, giúp đỡ học viên trong suốt quá trình thực hiện Luận văn này./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Đối ngoại trung ương (2015), *Hướng dẫn số 01-HD/BDDNTW ngày 30/6/2015 của về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại ban hành kèm theo Quyết định số 272-QĐ/TW, ngày 21/01/2015 của Bộ Chính trị khóa XI, Hà Nội*
2. Bộ Chính trị (khóa XI), *Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 về hội nhập quốc tế, Hà Nội*
3. Bộ Chính trị (khóa IX), *Nghị Quyết số 36-NQ-TW ngày 26/3 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, Hà Nội*
4. Bộ Chính trị (khóa XI), *Quyết định số 272-QĐ/TW ngày 21/01/2015 về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, Hà Nội*
5. Bộ Chính trị (khóa XI), *Chỉ thị 41/CT - TW ngày 15/4/2010 về tăng cường công tác ngoại giao kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Hà Nội*
6. Bộ Nội Vụ - Bộ Ngoại giao (2015), *Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BNG-BNV ngày 28/06/2015 hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức Sở Ngoại vụ thuộc UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hà Nội*
7. Bộ Ngoại giao, các tổ chức quốc tế,  
[http://www.mofa.gov.vn/vi/ctc\\_quocte/](http://www.mofa.gov.vn/vi/ctc_quocte/), (tháng 3/2016)
8. Bộ Ngoại giao, Công tác ngoại vụ  
<http://www.mofahcm.gov.vn/en/mofa/nr090528090043/> (tháng 3/2016)
9. Chính phủ (2008), *Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội*
10. Chính phủ (2012), *Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 quy định về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, Hà Nội*
11. Chính phủ (2012), *Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 về quản lý*

*hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam, Hà Nội*

12. Chính phủ (2013), *Nghị định số 58/2013/NĐ-CP ngày 11/6/2013 về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao, Hà Nội*
13. Chính phủ (2014), *Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, Hà Nội*
14. Chính phủ (2014), *Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hà Nội*
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội*
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội*
17. Đảng Bộ tỉnh Quảng Bình (12/2015), *Văn kiện đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2015, Quảng Bình*
18. Học viện Ngoại giao (2010), *Định hướng chiến lược đối ngoại Việt Nam đến năm 2020, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội*
19. Vũ Dương Huân (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Ngoại giao, NXB Thanh Niên, Hà Nội*
20. *Niên giám thống kê năm 2015, Quảng Bình*
21. Quốc hội (1992), *Hiến pháp 1992, Hà Nội*
22. Quốc hội (2013), *Hiến pháp 2013, Hà Nội*
23. Quốc hội (2013), *Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài, Hà Nội*
24. Quốc hội (2015), *Luật Chính quyền địa phương, Hà Nội*
25. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức Chính phủ, Hà Nội*
26. Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình (2016), *Báo cáo hoạt động kinh tế đối*



*ngoại giai đoạn 2011-2015 và 6 tháng đầu năm 2016, Quảng Bình*

27. Sở Ngoại vụ Quảng Bình (2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 6/2016), *Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm, Quảng Bình*
28. Sở Ngoại vụ Quảng Bình (2015), *Báo cáo tình hình cải cách hành chính năm 2015, Quảng Bình*
29. Sở Ngoại vụ Quảng Bình (6/2016), *Báo cáo tình hình cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2016, Quảng Bình*
30. Sở Ngoại vụ Quảng Bình (2015), *Báo cáo tổng kết thanh tra chuyên ngành năm 2015, Quảng Bình*
31. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 58/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 về sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, Hà Nội*
32. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Chỉ thị 1737/CT-TTg ngày 20/9/2010 về tăng cường công tác bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài trong tình hình hiện nay, Hà Nội*
33. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 67/2011/QĐ-TTg ngày 12/12/2011 Về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hà Nội*
34. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 quy định về tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, Hà Nội*
35. Tỉnh ủy Quảng Bình (2010), *Quyết định số 27-QĐ/TU ngày 28/10/2010 của về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, Quảng Bình.*
36. Tỉnh ủy Quảng Bình (2016), *Quyết định số 85-QĐ/TU ngày 13/01/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại, Quảng Bình.*
37. UBND tỉnh Quảng Bình (2012), *Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 về việc ban hành quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào, Quảng Bình.*
38. UBND tỉnh Quảng Bình (2014), *Quyết định số 2958/QĐ-UBND ngày 22/10/2014 về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý phóng viên nước ngoài hoạt động thông tin, báo chí, Quảng Bình*

39. UBND tỉnh Quảng Bình (2014), *Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 08/5/2014 về Chương trình xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2014-2018*, Quảng Bình
40. UBND tỉnh Quảng Bình (2015), *Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 quy định xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC*, Quảng Bình
41. UBND tỉnh Quảng Bình (2014), *Kế hoạch thực hiện Chỉ thị 1737/CT-TTg ngày 20/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo hộ quyền và lợi ích chính đáng của công dân Việt Nam di cư ra nước ngoài trong tình hình hiện nay*, Quảng Bình
42. UBND tỉnh Quảng Bình (2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 6/2016), *Báo cáo kết quả hoạt động đối ngoại năm*, Quảng Bình
43. UBND tỉnh Quảng Bình (2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 6/2016), *báo cáo công tác viện trợ phi chính phủ nước ngoài*, Quảng Bình
44. UBND tỉnh Quảng Bình (2016), *Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 09/5/2016 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ*, Quảng Bình

